CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH ĐẤU GIÁ VIỆT NAM *(VNA.,PAC)*
Địa chỉ: Ô số 6, Tầng 1, Tòa nhà Sunrise IIA, NO2A, KĐT Sài Đồng,
phường Phúc Lợi, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.3984 2728 / Hotline: 0976 448 446
Email: info@daugiavietnam.vn/ Web: daugiavietnam.vn

HỒ SƠ MỜI THAM GIA ĐẤU GIÁ
(Đấu giá từng suất đất)

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CHO NHÂN DÂN LÀM NHÀ Ở ĐỐI VỚI 95 SUẤT ĐẤT TẠI KHU DÂN CƯ MỚI XÃ NHẬT TÂN, HUYỆN TIÊN LỮ (CŨ), NAY LÀ XÃ HOÀNG HOA THÁM, TỈNH HƯNG YÊN

Tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá: 200.000 đồng/hồ sơ/suất đất

HỒ SƠ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT ĐƯỢC ĐĂNG TẢI CÔNG KHAI THEO QUY ĐỊNH, ĐỀ NGHỊ NGƯỜI THAM GIA ĐẤU GIÁ THAM KHẢO KỸ TRƯỚC KHI NỘP HỒ SƠ THAM GIA ĐẤU GIÁ
(*Hồ sơ đã mua miễn trả lại*)

Tháng 8, năm 2026

DANH MỤC TÀI LIỆU

STT	NỘI DUNG
1	*Thông tin nộp các khoản tiền tham gia đấu giá*
2	*Mẫu: Phiếu đăng ký, phiếu trả giá, giấy ủy quyền*
3	*Thông báo đấu giá tài sản*
4	*Quy chế cuộc đấu giá*
5	*Quyết định phê duyệt Giá khởi điểm; Quyết định phê duyệt Phương án; Quyết định đấu giá;*
6	*Sơ đồ, mặt bằng khu đất*

THÔNG TIN NỘP TIỀN THAM GIA ĐẤU GIÁ TÀI SẢN:

Quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở đối với 95 suất đất tại Khu dân cư mới xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ (cũ), nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên

1. Tài khoản tiếp nhận tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá

THÔNG TIN TÀI KHOẢN **NỘP TIỀN MUA HỒ SƠ MỜI THAM GIA ĐẤU GIÁ:**

Người tham gia đấu giá nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá vào tài khoản sau:



Công ty đấu giá hợp danh Đấu giá Việt Nam

Số tài khoản: 000 192 2719 912

Ngân hàng: MB Bank – CN Đông Anh

Nội dung chuyển khoản:

<Tên người tham gia> <Số CCCD> mua HS QC 519

***Ví dụ:* Nguyễn Văn A 000182145678 mua HS QC 519**

2. Tài khoản tiếp nhận tiền đặt trước

THÔNG TIN TÀI KHOẢN **NỘP TIỀN ĐẶT TRƯỚC:**

Người tham gia đấu giá nộp tiền mặt vào tài khoản hoặc chuyển khoản tiền đặt trước vào một trong các tài khoản sau:

Tên tài khoản: **Công ty đấu giá hợp danh Đấu giá Việt Nam**



Số tài khoản: **117 00277 6799**

Vietinbank Tiên Lữ



Số tài khoản: **2410 2010 03465**

Agribank Tiên Lữ

Nội dung: **<Tên người tham gia> <Số CCCD> < số lượng suất đất> QC 519**

***Ví dụ:* Nguyễn Văn A 000182145678 01 suất QC 519**

*** Lưu ý**:

*- Quy chế cuộc đấu giá không chấp nhận việc nộp tiền đặt trước vào tài khoản khác **02** số tài khoản quy định nêu trên hoặc nộp nhầm tiền đặt trước vào tài khoản tiếp nhận tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá. **Việc nộp sai số tài khoản mặc nhiên không được xét tư cách tham gia phiên đấu giá.***

- Trang thông tin này là một phần không tách rời Quy chế cuộc đấu giá.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU

PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM GIA ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Kính gửi: Công ty đấu giá hợp danh Đấu giá Việt Nam

Tên người tham gia đấu giá (viết chữ in hoa): **NGUYỄN VĂN A**

Số CCCD/CC: **000123456789** ……...….do cơ quan: **Bộ Công an**

…… cấp ngày **01**….tháng**10**...năm **2025**

Địa chỉ: **Khu Hòa Bình, xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên**

Điện thoại liên hệ **0123456789**

Số tài khoản của người tham gia đấu giá**:** **0123456789**

Mở tại Ngân hàng: **MB Bank**

***Số tài khoản của người đăng ký tham gia đấu giá**

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời tham gia đấu giá Quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở đối với 95 suất đất tại Khu dân cư mới xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ (cũ), nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên theo Quy chế cuộc đấu giá số: 519/QC-ĐGVN ngày 27/8/2026 và Thông báo số 2362 ngày 28/8/2026 của Công ty đấu giá hợp danh Đấu giá Việt Nam.

Tôi đăng ký tham gia đấu giá suất đất/lô đất có ký hiệu : ….**10**……..……

***Điền ký hiệu suất đất/lô đất đúng với Quy chế cuộc đấu**

Tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về toàn bộ thông tin đã kê khai tại phiếu đăng ký này.

2. Thực hiện nghiêm túc nội quy, Quy chế cuộc đấu giá do Công ty đấu giá hợp danh Đấu giá Việt Nam ban hành.

3. Chủ động đi kiểm tra thực địa, chấp nhận hiện trạng thực tế và không có bất cứ ý kiến gì về tài sản đấu giá.

4. Không tham dự phiên đấu giá trong trường hợp vợ, chồng, anh ruột, chị ruột, em ruột cũng là người tham gia đấu giá đối với tài sản đó và không thuộc trường hợp bị cơ quan có thẩm quyền quyết định cấm tham gia đấu giá theo quy định của pháp luật.

5. Nếu trúng đấu giá, tôi cam kết **nộp đủ tiền trúng đấu giá theo Thông báo nộp tiền do cơ quan thuế ban hành.** Trường hợp vi phạm về thời hạn nộp tiền trúng đấu giá, tôi xin chịu trách nhiệm theo đúng quy định tại Phương án đấu giá, bị hủy kết quả trúng đấu, bị cấm tham gia đấu giá theo quy định pháp luật hiện hành.

Lưu ý:
Người tham gia đấu giá có trách nhiệm tự bảo mật thông tin đăng ký tham gia đấu giá theo luật định.

*Hưng Yên, ngày **09** tháng **9** năm 2026*
Người tham gia đấu giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

A

NGUYỄN VĂN A

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

10

PHIẾU TRẢ GIÁ

Kính gửi: Công ty đấu giá hợp danh Đấu giá Việt Nam

I. Thông tin người tham gia đấu giá

Họ và tên: NGUYỄN VĂN A

CCCD số: 000123456789; Ngày cấp: 01/10/2025; Nơi cấp: Bộ Công an

Địa chỉ: Khu Hòa Bình, xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên

Mã khách hàng: **000**

Người được ủy quyền (nếu có .....

(Số CCCD/CC:……Ngày cấp:……Nơi cấp:.....)

II. Thông tin tài sản đấu giá

- Tài sản đấu giá: QSD đất cho nhân dân làm nhà ở đối với suất đất **10** tại Khu dân cư mới xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên.

- Giá khởi điểm: **27.000.000 đồng/m²**.

- Bước giá: **200.000 đồng/01 bước giá/m²**.

III. Giá trả của người tham gia đấu giá

Sau khi nghiên cứu kỹ hồ sơ mời tham gia đấu giá và xem tài sản đấu giá, tôi quyết định trả giá như sau:

Giá trả (*viết bằng số*): ..... đồng/m²

Giá trả (*viết bằng chữ*):.....

.....

IV. Cam kết của người tham gia đấu giá

Tôi cam kết giá trả trên là tự nguyện, không bị ép buộc và chịu trách nhiệm hoàn toàn về mức giá đã trả.

Tôi đã hiểu rõ Quy chế cuộc đấu giá và các quy định pháp luật liên quan.

Hưng Yên, ngày 19 tháng 9 năm 2026

Người tham gia đấu giá

(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
----------oOo----------

……, ngày…….tháng……năm 2026

GIẤY ỦY QUYỀN

Kính gửi: Công ty đấu giá hợp danh Đấu giá Việt Nam

Họ và tên người ủy quyền: .....

Giấy CCCD/CC số:……..ngày cấp:……Nơi cấp: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại liên hệ: .....

Người đại diện: .....

Lý do: Không thể tham dự trực tiếp được phiên đấu giá QSD đất làm nhà ở tại …….. nay tôi:

ỦY QUYỀN CHO:

Ông (Bà): .....

Giấy CCCD số: ……..ngày cấp: ……Nơi cấp: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại liên hệ: .....

Thay tôi tham dự phiên đấu giá quyền sử dụng đất làm nhà ở tại: .....

gồm những công việc sau:

1. Làm thủ tục tham dự cuộc đấu giá (xuất trình CCCD/CC, giấy ủy quyền, mã số KH).

2.Trực tiếp tham dự phiên đấu giá, điền đầy đủ thông tin, ký nhận vào phiếu trả giá và bỏ phiếu vào hòm phiếu.

3.Toàn quyền quyết định việc trả giá, ký nhận vào bản đồ và giấy xác nhận trúng đấu giá trong trường hợp được xác định là người trúng đấu giá.

4.....

5…… .....

Ông (Bà):…….. có nghĩa vụ thực hiện đúng nội quy, Quy chế đấu giá QSD đất tại phiên đấu giá ngày…….tháng……năm…… , không được ủy quyền lại cho người khác và có trách nhiệm thông báo kết quả đấu giá cho người ủy quyền./.

Người được ủy quyền	**Người ủy quyền**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH ĐẤU GIÁ VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2362/2026/TB-ĐGVN	*Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2026*

THÔNG BÁO ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

Quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở đối với 95 suất đất tại Khu dân cư mới xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ (cũ), nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên

1. Tên, địa chỉ của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:

Công ty đấu giá hợp danh Đấu giá Việt Nam – Trụ sở: Ô số 6, Tầng 1, Tòa nhà Sunrise IIA, khu đô thị Sài Đồng, phường Phúc Lợi, thành phố Hà Nội. Điện thoại: 024.39842728

2. Người có tài sản đấu giá:

- Đơn vị có tài sản đấu giá: Ủy ban nhân dân xã Hoàng Hoa Thám. Địa chỉ: Khu Hòa Bình, xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên

- Đơn vị được giao thực hiện việc đấu giá: Phòng Kinh tế xã Hoàng Hoa Thám – Địa chỉ: Khu Hòa Bình, xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên.

3. Tên tài sản đấu giá: Quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở đối với 95 suất đất tại Khu dân cư mới xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ (cũ), nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên.

4. Nguồn gốc tài sản, giấy tờ về quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản đấu giá: Tài sản được đưa ra đấu giá căn cứ theo số 2579/QĐ-UBND ngày 14/8/2026 của Chủ tịch UBND xã Hoàng Hoa Thám.

5. Danh mục suất đất, hình thức, phương thức đấu giá:

Tên dự án	Số lượng	Diện tích	Hình thức đấu giá	Phương thức đấu giá
Quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở đối với 95 suất đất tại Khu dân cư mới xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ (cũ), nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên	95 suất đất	Tổng diện tích: 9.047,50 m^2; Diện tích các suất từ 83,50 m^2 đến 100,00 m^2	Đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại phiên đấu giá. Đấu giá từng suất đất theo hình thức bỏ phiếu **01** (một) vòng	Phương thức trả giá lên

6. Giá khởi điểm, bước giá, tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền đặt trước:

(Chi tiết tại bảng kê đính kèm Thông báo)

- Bước giá áp dụng đối với tất cả các suất đất đấu giá: **200.000 đồng/m^2** (*Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng trên một mét vuông đất*).

- Tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá: **200.000 đồng/hồ sơ/suất đất** (*Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng trên một hồ sơ trên một suất đất*)

Lưu ý: *Hồ sơ mời tham gia đấu giá đã mua thì không được đổi, trả lại trong bất kỳ trường hợp nào, trừ trường hợp phiên đấu giá không tổ chức được.*

7. Nơi có tài sản, thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá:

- Thời gian tổ chức cho người tham gia xem tài sản đấu giá: Từ ngày 09/9/2026 đến ngày 11/9/2026 (giờ hành chính)

- Nơi có tài sản, địa điểm xem tài sản: Tại thực địa khu đất đấu giá thuộc Khu dân cư mới, xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ (cũ) nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên.

(*Lưu ý: Người tham gia đấu giá tự lo chi phí khi đi xem tài sản trong thời gian quy định hoặc chủ động xem thực địa khu đất đấu giá ngoài thời gian quy định nêu trên).*

8. Ngày, giờ bắt đầu, hết hạn bán hồ sơ mời tham gia đấu giá; ngày, giờ bắt đầu, hết hạn tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá.

- Ngày, giờ bắt đầu: 08h00 ngày 28/8/2026

- Ngày, giờ hết hạn: 17h00 ngày 16/9/2026

(*Lưu ý: Thời gian là các ngày làm việc trong tuần, trừ thứ 7, chủ nhật)*

- Địa điểm bán hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ/nộp hồ sơ tham gia đấu giá; đăng ký tham gia đấu giá tại:

+ Trung tâm phục vụ Hành chính công xã Hoàng Hoa Thám. Địa chỉ: xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên.

+ Công ty đấu giá hợp danh Đấu giá Việt Nam. Địa chỉ: Ô số 6, Tầng 1, Tòa nhà Sunrise IIA, khu đô thị Sài Đồng, phường Phúc Lợi, thành phố Hà Nội.

Người đăng ký tham gia đấu giá tham khảo hồ sơ mời tham gia đấu giá trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia: dgts.moj.gov.vn; và liên hệ đến Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản để được hướng dẫn mua hồ sơ, nộp hồ sơ tham gia đấu giá.

9. **Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá.**

*** Điều kiện, cách thức đăng ký**: Là cá nhân tham gia đấu giá thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất theo quy định tại Điều 119 và bảo đảm các quy định tại Khoản 4 Điều 125 Luật Đất đai năm 2024. Có đăng ký tham gia đấu giá thông qua việc nộp hồ sơ tham gia đấu giá hợp lệ và tiền đặt trước theo đúng thời hạn quy định.

Trường hợp nhận ủy quyền tham gia đấu giá: Một người chỉ được nhận ủy quyền tham gia đấu giá của một người. Người đã tham gia đấu giá thì không được nhận ủy quyền tham gia đấu giá của người khác.

*** Hồ sơ tham gia đấu giá:** Một người tham gia đấu giá có thể tham gia đấu giá nhiều suất đất, mỗi một suất đất phải nộp 01 bộ hồ sơ với điều kiện mỗi suất đất phải nộp tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá và tiền đặt trước tương ứng với số lượng suất đất đăng ký đấu giá. Thành phần hồ sơ tham gia đấu giá theo quy định tại **Điều 10** Quy chế cuộc đấu giá này.

10. Ngày, giờ bắt đầu, hết hạn nộp tiền đặt trước:

- Ngày, giờ bắt đầu: 08h00 ngày 28/8/2026

- Ngày, giờ hết hạn: 17h00 ngày 16/9/2026

(Thông tin tài khoản nộp tiền đặt trước quy định chi tiết tại Quy chế cuộc đấu giá.)

11. Thời gian, địa điểm tổ chức phiên đấu giá:

- Thời gian tổ chức phiên đấu giá: **08 giờ 30 phút ngày 19/9/2026** ***(Thứ bảy).***

- Địa điểm tổ chức phiên đấu giá (dự kiến): Hội trường Nhà văn hóa xã Hoàng Hoa Thám (xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên).

- Người tham gia đấu giá phải có mặt tại địa điểm tổ chức phiên đấu giá vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 19/9/2026 để làm thủ tục vào hội trường đấu giá.

12. Phiếu trả giá hợp lệ, phiếu trả giá không hợp lệ:

- Phiếu trả giá hợp lệ: là phiếu do đơn vị thực hiện cuộc đấu giá phát hành (*theo mẫu in sẵn, có đóng dấu của Tổ chức đấu giá tài sản)*, Phiếu ghi đầy đủ các nội dung cần thiết, nộp đúng thời gian theo quy định, trả đúng bước giá, được ký và ghi đầy đủ họ và tên.

- Phiếu trả giá không hợp lệ: là Phiếu trả giá không đáp ứng yêu cầu của Phiếu hợp lệ, phiếu rách nát, không ghi giá trả, trả thấp hơn giá khởi điểm, trả giá không đúng bước giá, giá trả không có nghĩa, không ký và ghi đầy đủ họ tên; phiếu không được bỏ vào thùng phiếu đúng thời gian quy định; các trường hợp được xác định là phiếu không hợp lệ quy định cụ thể tại Quy chế cuộc đấu giá này.

13. Thông tin chi tiết việc đấu giá tài sản: Việc đấu giá tài sản được quy định chi tiết tại Quy chế cuộc đấu giá và được niêm yết công khai tại Cổng Đấu giá tài sản quốc gia dgts.moj.gov.vn; trụ sở của Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản; Nơi tổ chức phiên đấu giá.

14. Thông tin chi tiết xin liên hệ: Công ty ĐGHD Đấu giá Việt Nam. Điện thoại: 024.39842728/ hotline: 0976.448.446.

Nơi nhận:
- Cổng Đấu giá tài sản quốc gia;
- UBND xã Hoàng Hoa Thám;
- Phòng Kinh tế xã;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH ĐẤU GIÁ VIỆT NAM

Nguyễn Thị Thu Giang

BẢNG KÊ CHI TIẾT CÁC SUẤT ĐẤT ĐẤU GIÁ

(Kèm theo Thông báo đấu giá tài sản số 2362/2026/TB-ĐGVN ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Công ty đấu giá hợp danh Đấu giá Việt Nam)

TT	Suất đất	Ký hiệu Lô đất	Diện tích (m^2)	Giá khởi điểm (đồng/m^2)	Giá trị QSDĐ theo GKĐ (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ (đồng)
I	**LK 01 (22 Suất)**						
	1	LK01-1	100,00	27.000.000	2.700.000.000	540.000.000	200.000
	2	LK01-2	100,00	27.000.000	2.700.000.000	540.000.000	200.000
	3	LK01-3	100,00	27.000.000	2.700.000.000	540.000.000	200.000
	4	LK01-4	100,00	27.000.000	2.700.000.000	540.000.000	200.000
	5	LK01-5	100,00	27.000.000	2.700.000.000	540.000.000	200.000
	6	LK01-6	100,00	27.000.000	2.700.000.000	540.000.000	200.000
	7	LK01-7	100,00	27.000.000	2.700.000.000	540.000.000	200.000
	8	LK01-8	100,00	27.000.000	2.700.000.000	540.000.000	200.000
	9	LK01-9	100,00	27.000.000	2.700.000.000	540.000.000	200.000
	10	LK01-10	100,00	27.000.000	2.700.000.000	540.000.000	200.000
	11	LK01-11	88,00	31.050.000	2.732.400.000	546.480.000	200.000
	12	LK01-12	83,50	20.700.000	1.728.450.000	345.690.000	200.000
	13	LK01-13	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	14	LK01-14	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	15	LK01-15	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	16	LK01-16	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	17	LK01-17	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	18	LK01-18	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	19	LK01-19	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	20	LK01-20	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	21	LK01-21	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	22	LK01-22	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
II	**LK02 (12 suất)**						
	23	LK02-23	98,00	31.050.000	3.042.900.000	608.580.000	200.000
	24	LK02-24	100,00	27.000.000	2.700.000.000	540.000.000	200.000
	25	LK02-25	100,00	27.000.000	2.700.000.000	540.000.000	200.000
	26	LK02-26	100,00	27.000.000	2.700.000.000	540.000.000	200.000

TT	Suất đất	Ký hiệu Lô đất	Diện tích (m^2)	Giá khởi điểm (đồng/m^2)	Giá trị QSDĐ theo GKĐ (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ (đồng)
	27	LK02-27	100,00	27.000.000	2.700.000.000	540.000.000	200.000
	28	LK02-28	98,00	27.000.000	2.646.000.000	529.200.000	200.000
	29	LK02-29	93,00	18.000.000	1.674.000.000	334.800.000	200.000
	30	LK02-30	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	31	LK02-31	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	32	LK02-32	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	33	LK02-33	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	34	LK02-34	93,00	20.700.000	1.925.100.000	385.020.000	200.000
III	**LK03 (22 suất)**						
	35	LK03-35	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	36	LK03-36	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	37	LK03-37	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	38	LK03-38	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	39	LK03-39	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	40	LK03-40	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	41	LK03-41	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	42	LK03-42	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	43	LK03-43	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	44	LK03-44	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	45	LK03-45	83,50	20.700.000	1.728.450.000	345.690.000	200.000
	46	LK03-46	83,50	20.700.000	1.728.450.000	345.690.000	200.000
	47	LK03-47	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	48	LK03-48	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	49	LK03-49	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	50	LK03-50	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	51	LK03-51	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	52	LK03-52	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	53	LK03-53	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	54	LK03-54	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	55	LK03-55	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000

TT	Suất đất	Ký hiệu Lô đất	Diện tích (m^2)	Giá khởi điểm (đồng/m^2)	Giá trị QSDĐ theo GKĐ (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ (đồng)
	56	LK03-56	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
IV	**LK04 (12 suất)**						
	57	LK04-57	93,00	20.700.000	1.925.100.000	385.020.000	200.000
	58	LK04-58	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	59	LK04-59	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	60	LK04-60	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	61	LK04-61	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	62	LK04-62	93,00	20.700.000	1.925.100.000	385.020.000	200.000
	63	LK04-63	93,00	21.735.000	2.021.355.000	404.271.000	200.000
	64	LK04-64	95,00	18.900.000	1.795.500.000	359.100.000	200.000
	65	LK04-65	95,00	18.900.000	1.795.500.000	359.100.000	200.000
	66	LK04-66	95,00	18.900.000	1.795.500.000	359.100.000	200.000
	67	LK04-67	95,00	18.900.000	1.795.500.000	359.100.000	200.000
	68	LK04-68	93,00	21.735.000	2.021.355.000	404.271.000	200.000
V	**LK05** ***(28 suất theo quy hoạch, 27 suất đưa ra đấu giá)***						
	70	LK05-70	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	71	LK05-71	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	72	LK05-72	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	73	LK05-73	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	74	LK05-74	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	75	LK05-75	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	76	LK05-76	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	77	LK05-77	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	78	LK05-78	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	79	LK05-79	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	80	LK05-80	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	81	LK05-81	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	82	LK05-82	95,00	18.900.000	1.795.500.000	359.100.000	200.000
	83	LK05-83	95,00	17.250.000	1.638.750.000	327.750.000	200.000
	84	LK05-84	95,00	15.000.000	1.425.000.000	285.000.000	200.000

TT	Suất đất	Ký hiệu Lô đất	Diện tích (m^2)	Giá khởi điểm (đồng/m^2)	Giá trị QSDĐ theo GKĐ (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ (đồng)
	85	LK05-85	95,00	15.000.000	1.425.000.000	285.000.000	200.000
	86	LK05-86	95,00	15.000.000	1.425.000.000	285.000.000	200.000
	87	LK05-87	95,00	15.000.000	1.425.000.000	285.000.000	200.000
	88	LK05-88	95,00	15.000.000	1.425.000.000	285.000.000	200.000
	89	LK05-89	95,00	15.000.000	1.425.000.000	285.000.000	200.000
	90	LK05-90	95,00	15.000.000	1.425.000.000	285.000.000	200.000
	91	LK05-91	95,00	15.000.000	1.425.000.000	285.000.000	200.000
	92	LK05-92	95,00	15.000.000	1.425.000.000	285.000.000	200.000
	93	LK05-93	95,00	15.000.000	1.425.000.000	285.000.000	200.000
	94	LK05-94	95,00	15.000.000	1.425.000.000	285.000.000	200.000
	95	LK05-95	95,00	15.000.000	1.425.000.000	285.000.000	200.000
	96	LK05-96	95,00	15.000.000	1.425.000.000	285.000.000	200.000
Tổng cộng			**9.047,50**		**177.539.910.000**	**35.507.982.000**	

CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH ĐẤU GIÁ VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 519/QC-ĐGVN	*Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2026*

QUY CHẾ CUỘC ĐẤU GIÁ

Tài sản đấu giá:

Quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở đối với 95 suất đất tại Khu dân cư mới xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ (cũ), nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên

Căn cứ pháp lý:

Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016; Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản;

Các Nghị định của Chính phủ: số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; số 172/2024/NĐ-CP ngày 27/12/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu giá tài sản 2016 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Thông tư số 03/2025/TT-BTC ngày 22/01/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; quy định việc thu, chi, quản lý và sử dụng tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND xã Hoàng Hoa Thám: số 2531/QĐ-UBND ngày 13/8/2026 về việc phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở đối với 96 suất đất tại Khu dân cư mới, xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ (cũ), nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên; số 2532/QĐ-UBND ngày 13/8/2026 về việc phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở đối với 96 suất đất tại Khu dân cư mới xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ (cũ), nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên; số 2579/QĐ-UBND ngày 14/8/2026 về việc phê duyệt đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở đối với 95 suất đất tại Khu dân cư mới xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ (cũ), nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên;

Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản số 240/2026/HĐĐG ngày 27/8/2026 giữa Công ty đấu giá hợp danh Đấu giá Việt Nam và Phòng Kinh tế xã Hoàng Hoa Thám về việc đấu giá Quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở đối với 95 suất đất tại Khu dân cư mới xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ (cũ), nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên;

Công ty ĐGHD Đấu giá Việt Nam ban hành Quy chế cuộc đấu giá với các nội dung cụ thể như sau:

CHƯƠNG I:
QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 1. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này cụ thể hóa về nguyên tắc, trình tự, thủ tục và các nội dung khác liên quan đến việc đấu giá tài sản theo quy định của Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 và Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản, hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025; Nghị định số 172/2024/NĐ-CP ngày 27/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024; Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Đối tượng điều chỉnh

- Đấu giá viên, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.

- Người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá, người trúng đấu giá, người mua được tài sản đấu giá.

- Cá nhân, tổ chức khác có liên quan đến hoạt động đấu giá tài sản.

ĐIỀU 2. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ, THUẬT NGỮ

Các từ ngữ, thuật ngữ trong bản Quy chế này được sử dụng và hiểu theo nghĩa các từ ngữ, thuật ngữ theo Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016, Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản, hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025 Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

ĐIỀU 3. NGUYÊN TẮC ĐẤU GIÁ

1. Tuân thủ quy định của pháp luật.

2. Bảo đảm tính độc lập, trung thực, công khai, minh bạch, công bằng, khách quan.

3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá, người trúng đấu giá, người mua được tài sản đấu giá, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, đấu giá viên.

4. Phiên đấu giá phải do đấu giá viên điều hành, trừ trường hợp phiên đấu giá do Hội đồng đấu giá tài sản thực hiện.

CHƯƠNG II:

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

ĐIỀU 4. TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

- Tên đơn vị: Công ty đấu giá hợp danh Đấu giá Việt Nam

- Mã số thuế: 0108764561

- Địa chỉ trụ sở: Ô số 6, Tầng 1, Tòa nhà Sunrise IIA, NO2A, KĐT Sài Đồng, phường Phúc Lợi, thành phố Hà Nội

- Điện thoại: 024 39842728

ĐIỀU 5. NGƯỜI CÓ TÀI SẢN ĐẤU GIÁ

- Đơn vị có tài sản đấu giá: Ủy ban nhân dân xã Hoàng Hoa Thám. Địa chỉ: Khu Hòa Bình, xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên

- Đơn vị được giao thực hiện việc đấu giá: Phòng Kinh tế xã Hoàng Hoa Thám – Địa chỉ: Khu Hòa Bình, xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên.

ĐIỀU 6. TÀI SẢN ĐẤU GIÁ, GIÁ KHỞI ĐIỂM, TIỀN ĐẶT TRƯỚC, TIỀN BÁN HỒ SƠ MỜI THAM GIA ĐẤU GIÁ, BƯỚC GIÁ.

1. Tên tài sản: Quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở đối với 95 suất đất tại Khu dân cư mới xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ (cũ), nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên**.**

- Loại đất, vị trí, diện tích và hạ tầng khu đất đấu giá:

+ Tổng số suất đất theo quy hoạch được duyệt: 96 suất đất.

+ Tổng số suất đất đã được phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất: 96 suất đất.

+ Tổng số suất đất đã được phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất: 96 suất đất.

+ Số suất đất đưa ra đấu giá: 95 suất đất (không bao gồm 01 suất đất số 69, ký hiệu lô đất LK05-69, diện tích 95,0 m², do chưa đủ điều kiện đưa ra đấu giá theo quy định của pháp luật).

+ Tổng diện tích đất ở đưa ra đấu giá**: 9.047,5 m².**

+ Loại đất: Đất ở tại nông thôn.

+ Mục đích sử dụng đất: Xây dựng nhà ở theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá đã được đầu tư xây dựng theo quy hoạch chi tiết và hồ sơ thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Mục đích sử dụng đất, hình thức giao đất và thời hạn sử dụng đất:

+ Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn.

+ Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất.

+ Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

- Thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:

- Khu dân cư mới xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ (cũ), nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch và thuộc khu vực được phép đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai; phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Danh mục các suất đất đấu giá, diện tích, giá khởi điểm, tiền đặt trước, tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, bước giá:

TT	Suất đất	Ký hiệu Lô đất	Diện tích (m²)	Giá khởi điểm (đồng/m²)	Giá trị QSDĐ theo GKĐ (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ (đồng)
I	**LK 01 (22 Suất)**						
	1	LK01-1	100,00	27.000.000	2.700.000.000	540.000.000	200.000
	2	LK01-2	100,00	27.000.000	2.700.000.000	540.000.000	200.000
	3	LK01-3	100,00	27.000.000	2.700.000.000	540.000.000	200.000

TT	Suất đất	Ký hiệu Lô đất	Diện tích (m^2)	Giá khởi điểm (đồng/m^2)	Giá trị QSDĐ theo GKĐ (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ (đồng)
	4	LK01-4	100,00	27.000.000	2.700.000.000	540.000.000	200.000
	5	LK01-5	100,00	27.000.000	2.700.000.000	540.000.000	200.000
	6	LK01-6	100,00	27.000.000	2.700.000.000	540.000.000	200.000
	7	LK01-7	100,00	27.000.000	2.700.000.000	540.000.000	200.000
	8	LK01-8	100,00	27.000.000	2.700.000.000	540.000.000	200.000
	9	LK01-9	100,00	27.000.000	2.700.000.000	540.000.000	200.000
	10	LK01-10	100,00	27.000.000	2.700.000.000	540.000.000	200.000
	11	LK01-11	88,00	31.050.000	2.732.400.000	546.480.000	200.000
	12	LK01-12	83,50	20.700.000	1.728.450.000	345.690.000	200.000
	13	LK01-13	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	14	LK01-14	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	15	LK01-15	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	16	LK01-16	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	17	LK01-17	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	18	LK01-18	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	19	LK01-19	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	20	LK01-20	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	21	LK01-21	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	22	LK01-22	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
II	**LK02 (12 suất)**						
	23	LK02-23	98,00	31.050.000	3.042.900.000	608.580.000	200.000
	24	LK02-24	100,00	27.000.000	2.700.000.000	540.000.000	200.000
	25	LK02-25	100,00	27.000.000	2.700.000.000	540.000.000	200.000
	26	LK02-26	100,00	27.000.000	2.700.000.000	540.000.000	200.000
	27	LK02-27	100,00	27.000.000	2.700.000.000	540.000.000	200.000
	28	LK02-28	98,00	27.000.000	2.646.000.000	529.200.000	200.000
	29	LK02-29	93,00	18.000.000	1.674.000.000	334.800.000	200.000
	30	LK02-30	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	31	LK02-31	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	32	LK02-32	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000

TT	Suất đất	Ký hiệu Lô đất	Diện tích (m^2)	Giá khởi điểm (đồng/m^2)	Giá trị QSDĐ theo GKĐ (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ (đồng)
	33	LK02-33	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	34	LK02-34	93,00	20.700.000	1.925.100.000	385.020.000	200.000
III	**LK03 (22 suất)**						
	35	LK03-35	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	36	LK03-36	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	37	LK03-37	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	38	LK03-38	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	39	LK03-39	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	40	LK03-40	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	41	LK03-41	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	42	LK03-42	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	43	LK03-43	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	44	LK03-44	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	45	LK03-45	83,50	20.700.000	1.728.450.000	345.690.000	200.000
	46	LK03-46	83,50	20.700.000	1.728.450.000	345.690.000	200.000
	47	LK03-47	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	48	LK03-48	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	49	LK03-49	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	50	LK03-50	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	51	LK03-51	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	52	LK03-52	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	53	LK03-53	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	54	LK03-54	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	55	LK03-55	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	56	LK03-56	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
IV	**LK04 (12 suất)**						
	57	LK04-57	93,00	20.700.000	1.925.100.000	385.020.000	200.000
	58	LK04-58	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	59	LK04-59	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	60	LK04-60	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000

TT	Suất đất	Ký hiệu Lô đất	Diện tích (m^2)	Giá khởi điểm (đồng/m^2)	Giá trị QSDĐ theo GKĐ (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ (đồng)
	61	LK04-61	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	62	LK04-62	93,00	20.700.000	1.925.100.000	385.020.000	200.000
	63	LK04-63	93,00	21.735.000	2.021.355.000	404.271.000	200.000
	64	LK04-64	95,00	18.900.000	1.795.500.000	359.100.000	200.000
	65	LK04-65	95,00	18.900.000	1.795.500.000	359.100.000	200.000
	66	LK04-66	95,00	18.900.000	1.795.500.000	359.100.000	200.000
	67	LK04-67	95,00	18.900.000	1.795.500.000	359.100.000	200.000
	68	LK04-68	93,00	21.735.000	2.021.355.000	404.271.000	200.000
V	**LK05** ***(28 suất theo quy hoạch, 27 suất đưa ra đấu giá)***						
	70	LK05-70	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	71	LK05-71	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	72	LK05-72	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	73	LK05-73	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	74	LK05-74	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	75	LK05-75	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	76	LK05-76	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	77	LK05-77	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	78	LK05-78	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	79	LK05-79	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	80	LK05-80	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	81	LK05-81	95,00	18.000.000	1.710.000.000	342.000.000	200.000
	82	LK05-82	95,00	18.900.000	1.795.500.000	359.100.000	200.000
	83	LK05-83	95,00	17.250.000	1.638.750.000	327.750.000	200.000
	84	LK05-84	95,00	15.000.000	1.425.000.000	285.000.000	200.000
	85	LK05-85	95,00	15.000.000	1.425.000.000	285.000.000	200.000
	86	LK05-86	95,00	15.000.000	1.425.000.000	285.000.000	200.000
	87	LK05-87	95,00	15.000.000	1.425.000.000	285.000.000	200.000
	88	LK05-88	95,00	15.000.000	1.425.000.000	285.000.000	200.000
	89	LK05-89	95,00	15.000.000	1.425.000.000	285.000.000	200.000
	90	LK05-90	95,00	15.000.000	1.425.000.000	285.000.000	200.000

TT	Suất đất	Ký hiệu Lô đất	Diện tích (m^2)	Giá khởi điểm (đồng/m^2)	Giá trị QSDĐ theo GKĐ (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ (đồng)
	91	LK05-91	95,00	15.000.000	1.425.000.000	285.000.000	200.000
	92	LK05-92	95,00	15.000.000	1.425.000.000	285.000.000	200.000
	93	LK05-93	95,00	15.000.000	1.425.000.000	285.000.000	200.000
	94	LK05-94	95,00	15.000.000	1.425.000.000	285.000.000	200.000
	95	LK05-95	95,00	15.000.000	1.425.000.000	285.000.000	200.000
	96	LK05-96	95,00	15.000.000	1.425.000.000	285.000.000	200.000
Tổng cộng			**9.047,50**		**177.539.910.000**	**35.507.982.000**	

- Bước giá*:* Bước giá áp dụng đối với tất cả các suất đất đấu giá: **200.000 đồng/m^2** (*Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng trên một mét vuông*).

***Lưu ý:**

- Người tham gia đấu giá đăng ký suất đất có nhu cầu đấu giá theo Danh mục chi tiết tại khoản 2 Điều này. Nếu Phiếu đăng ký tham gia đấu giá không ghi ký hiệu suất đất/lô đất có nhu cầu đấu giá thì hồ sơ tham gia đã nộp được coi là không hợp lệ, không đủ điều kiện tham gia phiên đấu giá.

- Hồ sơ mời tham gia đấu giá đã mua thì không được đổi, trả lại trong bất kỳ trường hợp nào, trừ trường hợp phiên đấu giá không tổ chức được.

ĐIỀU 7. HÌNH THỨC, PHƯƠNG THỨC ĐẤU GIÁ

- Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại phiên đấu giá 01 vòng.

- Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên**.**

ĐIỀU 8. NƠI CÓ TÀI SẢN, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM XEM TÀI SẢN

- Thời gian tổ chức cho người tham gia xem tài sản đấu giá: Từ ngày 09/9/2026 đến ngày 11/9/2026 (giờ hành chính)

- Nơi có tài sản, địa điểm xem tài sản: Tại thực địa khu đất đấu giá thuộc Khu dân cư mới, xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ (cũ) nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên.

***Lưu ý:**

- Người tham gia đấu giá tự bố trí phương tiện đi lại để chủ động xem thực địa khu đất đấu giá trong thời gian quy định hoặc ngoài thời gian quy định nêu trên.

- Người đăng ký tham gia đấu giá có quyền tự mình xem xét, tìm hiểu và đánh giá hiện trạng thực tế và hạ tầng của khu đất đấu giá. Trường hợp, không trực tiếp xem hiện trạng tài sản ngoài thực địa, người đăng ký tham gia đấu giá mặc nhiên chấp nhận hiện trạng tài sản do Người có tài sản đấu giá bàn giao, không còn quyền thắc mắc, khiếu nại liên quan đến tình trạng tài sản sau khi trúng đấu giá. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc xem tài sản do người đăng ký tham gia đấu giá tự chi trả.

ĐIỀU 9. NGÀY, GIỜ BẮT ĐẦU, HẾT HẠN BÁN HỒ SƠ MỜI THAM GIA ĐẤU GIÁ; NGÀY, GIỜ BẮT ĐẦU, HẾT HẠN TIẾP NHẬN HỒ SƠ THAM GIA

ĐẤU GIÁ; ĐỊA ĐIỂM BÁN HỒ SƠ MỜI THAM GIA ĐẤU GIÁ, TIẾP NHẬN HỒ SƠ THAM GIA ĐẤU GIÁ; THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM ĐĂNG KÝ THAM GIA ĐẤU GIÁ.

1. Ngày, giờ bắt đầu, hết hạn bán hồ sơ; ngày, giờ bắt đầu, hết hạn tiếp nhận hồ sơ/nộp hồ sơ tham gia đấu giá.

- Ngày, giờ bắt đầu: 08h00 ngày 28/8/2026

- Ngày, giờ hết hạn: 17h00 ngày 16/9/2026

(*Trong giờ hành chính, trừ thứ 7, chủ nhật, ngày nghỉ lễ theo quy định*),

2. Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ/nộp hồ sơ tham gia đấu giá tại:

+ Trung tâm Phục vụ Hành chính công xã Hoàng Hoa Thám. Địa chỉ: xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên.

+ Công ty đấu giá hợp danh Đấu giá Việt Nam. Địa chỉ: Ô số 6, Tầng 1, Tòa nhà Sunrise IIA, khu đô thị Sài Đồng, phường Phúc Lợi, thành phố Hà Nội.

(Người tham gia đấu giá nộp hồ sơ tham gia trực tiếp hoặc gửi thư đảm bảo đến địa chỉ của Công ty đấu giá hợp danh Đấu giá Việt Nam trước ngày, giờ kết thúc tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá)

Người tham gia đấu giá tham khảo Hồ sơ mời tham gia đấu giá trên Cổng Đấu giá tài sản Quốc gia: dgts.moj.gov.vn; và liên hệ đến Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản để được hướng dẫn mua hồ sơ, nộp hồ sơ tham gia đấu giá.

THÔNG TIN TÀI KHOẢN **NỘP TIỀN MUA HỒ SƠ MỜI THAM GIA ĐẤU GIÁ:**

Người tham gia đấu giá nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá vào tài khoản sau:



Công ty đấu giá hợp danh Đấu giá Việt Nam

Số tài khoản: 000 192 2719 912

Ngân hàng: MB Bank – CN Đông Anh

Nội dung chuyển khoản:

<Tên người tham gia> <Số CCCD> mua HS QC 519

***Ví dụ:* Nguyễn Văn A 000182145678 mua HS QC 519**

***Lưu ý**: Quy chế cuộc đấu giá không chấp nhận trường hợp nộp gộp tiền mua hồ sơ với tiền đặt trước trong cùng một chứng từ giao dịch, không chấp nhận việc nộp tiền mua hồ sơ nhầm sang tài khoản tiếp nhận tiền đặt trước.*

ĐIỀU 10. ĐIỀU KIỆN, CÁCH THỨC ĐĂNG KÝ THAM GIA ĐẤU GIÁ; THÀNH PHẦN HỒ SƠ THAM GIA ĐẤU GIÁ.

1. Điều kiện, cách thức đăng ký, đối tượng đăng ký tham gia đấu giá:

a) Những người được đăng ký tham gia đấu giá

- Là cá nhân có đủ năng lực hành vi dân sự và thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất theo quy định tại Điều 119, Điều 125 Luật Đất đai 2024, nộp hồ sơ tham gia đấu giá, nộp tiền mua hồ sơ tham gia, nộp tiền đặt trước theo đúng thời gian, địa điểm quy định; không thuộc các trường hợp không được đăng ký tham gia đấu giá theo quy định tại khoản 4 Điều 38 Luật Đấu giá tài sản.

- Trường hợp nhận ủy quyền tham gia đấu giá: Một người chỉ được nhận ủy quyền tham gia đấu giá của một người. Người đã tham gia đấu giá thì không được nhận ủy quyền tham gia đấu giá của người khác.

- Thực hiện đăng ký tham gia đấu giá thông qua việc nộp hồ sơ tham gia đấu giá hợp lệ, nộp tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá và nộp tiền đặt trước đúng thời gian quy định tại Quy chế cuộc đấu giá này.

b) Những người không được đăng ký tham gia đấu giá

- Người không có năng lực hành vi dân sự, người bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc người tại thời điểm đăng ký tham gia đấu giá không nhận thức, làm chủ được hành vi của mình.

- Người làm việc trong tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thực hiện phiên đấu giá; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của đấu giá viên điều hành phiên đấu giá; người trực tiếp giám định, định giá tài sản; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người trực tiếp giám định, định giá tài sản.

- Người được chủ sở hữu tài sản ủy quyền xử lý tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản, người ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản của người khác theo quy định của pháp luật. Cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của những người này.

- Người không có quyền mua tài sản đấu giá theo quy định của pháp luật áp dụng đối với loại tài sản đó.

- Các trường hợp không thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2024.

- Các trường hợp bị cấm tham gia đấu giá theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Thành phần hồ sơ tham gia đấu giá

Một người tham gia đấu giá có thể tham gia đấu giá nhiều suất đất, mỗi một suất đất phải nộp 01 bộ hồ sơ với điều kiện mỗi suất đất phải nộp tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá và tiền đặt trước tương ứng với số lượng suất đất đăng ký đấu giá.

Người tham gia đấu giá phải nộp hồ sơ tham gia đấu giá (*hồ sơ được bỏ vào phong bì khổ A4, phong bì do đơn vị thực hiện phiên đấu giá cung cấp*), hồ sơ tham gia đấu giá gồm các giấy tờ sau:

- Phiếu đăng ký tham gia đấu giá (*theo mẫu có đóng dấu của Công ty đấu giá hợp danh Đấu giá Việt Nam).*

- Bản sao hợp lệ giấy tờ sau: CCCD/CC. Trường hợp, Giấy tờ bị thất lạc hoặc bị thu hồi theo quy định phải có xác nhận cư trú của cơ quan công an tại địa phương nơi đăng ký thường trú. Trường hợp CCCD/CC chưa cập nhật địa chỉ hành chính mới thì người tham gia **in Căn cước điện tử (trên app VNeID**) để nộp cho tổ chức hành nghề đấu giá tài sản. Trường hợp, không in được **Căn cước điên tử trên VNeID**, khuyến nghị người tham gia ghi địa chỉ trên tờ Phiếu đăng ký tham gia đấu giá địa chỉ theo địa giới hành chính mới nhất.

- Phiếu thu tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá (nếu có), (*Tờ Phiếu đăng ký tham gia đấu giá có đóng dấu của Công ty đấu giá hợp danh Đấu giá Việt Nam là tài liệu thay thế phiếu thu*).

- Chứng từ nộp tiền đặt trước (*nếu có); (Sao kê ngân hàng là tài liệu thay thế chứng từ nộp tiền)*

Lưu ý:

- Phiếu đăng ký tham gia đấu giá là căn cứ pháp lý xác định các thông tin liên quan đến việc đăng ký đấu giá của người tham gia đấu giá;

- Phiếu đăng ký tham gia đấu giá không ký và ghi rõ họ tên được coi là phiếu không hợp lệ, không được xét tư cách tham gia phiên đấu giá;

- Ký hiệu suất đất/thửa đất đăng ký đấu giá trong ***Phiếu đăng ký tham gia đấu giá*** *phải đúng với ký hiệu suất đất/thửa đất quy định trên Thông báo đã phát hành. Mọi thông tin đăng ký về suất đất/thửa đất đấu giá nếu có sai lệch thì khi xét điều kiện tham gia phiên đấu giá, Phiếu đăng ký tham gia đấu giá đó sẽ bị loại.*

- Người tham gia đấu giá tự chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác của hồ sơ tham gia đấu giá theo quy định tại Quy chế cuộc đấu giá và bảo mật thông tin đăng ký của mình.

ĐIỀU 11. ĐĂNG KÝ, RÚT LẠI VIỆC ĐĂNG KÝ THAM GIA ĐẤU GIÁ; XÁC ĐỊNH ĐIỀU KIỆN THAM GIA ĐẤU GIÁ

1. Đăng ký tham gia đấu giá

- Người có nhu cầu tham gia đấu giá, đáp ứng điều kiện theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 10 Quy chế này chuẩn bị hồ sơ tham gia đấu giá theo quy định tại khoản 2, Điều 10 Quy chế này và thực hiện nộp hồ sơ, nộp tiền mua hồ sơ, nộp tiền đặt trước theo đúng thời hạn quy định tại Thông báo đấu giá tài sản và Quy chế cuộc đấu giá.

2. Rút lại đăng ký tham gia đấu giá

- Trước khi hết thời hạn nộp hồ sơ, người tham gia đấu giá xin rút hồ sơ tham gia đấu giá phải có đơn xin rút hồ sơ tham gia đấu giá gửi đến Công ty Đấu giá hợp danh Đấu giá Việt Nam, khoản tiền đặt trước đã nộp được hoàn trả lại chậm nhất sau 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá. Sau khi hết thời hạn nộp hồ sơ, người tham gia đấu giá không được rút hồ sơ tham gia đấu giá.

- Người đăng ký tham gia đấu giá xin rút hồ sơ tham gia đấu giá chỉ được nhận lại khoản tiền đặt trước đã nộp.

3. Xét duyệt điều kiện hồ sơ người tham gia đấu giá:

- Công ty đấu giá hợp danh Đấu giá Việt Nam có trách nhiệm xét duyệt điều kiện hồ sơ của người tham gia đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật hiện hành, các quy định tại Phương án đấu giá và các quy định tại bản Quy chế này.

- Việc xét duyệt điều kiện hồ sơ tham gia đấu giá quyền sử dụng đất được tiến hành sau khi kết thúc thời hạn tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, được thực hiện trong điều kiện bảo mật, được lập thành văn bản và lưu trữ trong hồ sơ đấu giá.

- Kết thúc việc xét duyệt hồ sơ tham gia đấu giá của người tham gia đấu giá, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thông báo cho người không đủ điều kiện tham gia đấu giá (nếu có) chậm nhất 01 ngày làm việc trước ngày mở phiên đấu giá.

ĐIỀU 12. NGÀY, GIỜ BẮT ĐẦU, HẾT HẠN NỘP TIỀN ĐẶT TRƯỚC:

- Ngày, giờ bắt đầu: 08h00 ngày 28/8/2026

- Ngày, giờ hết hạn: 17h00 ngày 16/9/2026.

THÔNG TIN TÀI KHOẢN **NỘP TIỀN ĐẶT TRƯỚC:**

Người tham gia đấu giá nộp tiền mặt vào tài khoản hoặc chuyển khoản tiền đặt trước vào một trong các tài khoản sau:

Tên tài khoản: **Công ty đấu giá hợp danh Đấu giá Việt Nam**

Số tài khoản: **117 00277 6799**

Vietinbank Tiên Lữ

Số tài khoản: **2410 2010 03465**

Agribank Tiên Lữ

Nội dung: <**Tên người tham gia> <Số CCCD> < số lượng suất đất> QC 519**

Ví dụ: **Nguyễn Văn A 000182145678 01 suất QC 519**

*** Lưu ý:**

Không chấp nhận việc nộp tiền đặt trước vào tài khoản khác 02 số tài khoản quy định nêu trên hoặc nộp nhầm tiền đặt trước vào tài khoản tiếp nhận tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá. Việc nộp sai tài khoản mặc nhiên không được xét tư cách tham gia phiên đấu giá.

- Các chi phí phát sinh liên quan đến việc nộp tiền, chuyển tiền và nhận lại tiền đặt trước do người tham gia đấu giá chịu phí theo mức quy định của các Ngân hàng.

*- Người tham gia đấu giá tự tính toán thời gian nộp tiền để đảm bảo số tiền đặt trước và tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá được **"Báo có"** vào từng tài khoản của Công ty đấu giá hợp danh Đấu giá Việt Nam chậm nhất đến **17 giờ 00 phút ngày 16/9/2026. Tất cả các trường hợp "Báo có" sau 17 giờ 00 phút ngày 16/9/2026 được xác định là không hợp lệ, không đủ điều kiện tham gia phiên đấu giá.***

- Các chi phí phát sinh (nếu có) liên quan đến việc nộp tiền, chuyển tiền, nhận lại tiền đặt trước do người tham gia đấu giá chịu phí theo mức quy định của các Ngân hàng.

ĐIỀU 13. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC PHIÊN ĐẤU GIÁ.

- Thời gian tổ chức phiên đấu giá: **08 giờ 30 phút ngày 19/9/2026 (Thứ bảy)**

- Địa điểm tổ chức phiên đấu giá (dự kiến): Hội trường Nhà văn hóa xã Hoàng Hoa Thám (xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên).

**** Lưu ý***: **Người tham gia phiên đấu giá phải có mặt tại địa điểm tổ chức phiên đấu giá vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 19/9/2026 để làm thủ tục vào hội trường đấu giá.**

- Người tham gia đấu giá khi đến tham dự phiên đấu giá phải xuất trình **phiếu tiếp nhận hồ sơ và CCCD** (bản gốc) hoặc **Căn cước điện tử.**

- Trường hợp ủy quyền tham gia đấu giá khi đến tham dự phiên đấu giá phải có văn bản ủy quyền hợp lệ, có nội dung ủy quyền cụ thể, rõ ràng phạm vi, công việc được ủy quyền.

CHƯƠNG III:

TỔ CHỨC PHIÊN ĐẤU GIÁ

ĐIỀU 14. TRÌNH TỰ, CÁCH THỨC TỔ CHỨC PHIÊN ĐẤU GIÁ

1. Trước ngày tổ chức phiên đấu giá:

- Những người có nhu cầu và đáp ứng đủ điều kiện, có nguyện vọng tham gia đấu giá phải chuẩn bị hồ sơ theo **Điều 10** Quy chế này và nộp hồ sơ tham gia đấu giá trong thời gian quy định theo Thông báo đã phát hành công khai.

2. Tại buổi tổ chức phiên đấu giá:

Đấu giá viên giới thiệu bản thân, người giúp việc, công bố danh sách người tham gia đấu giá và điểm danh để xác định người tham gia đấu giá; phổ biến quy chế phiên đấu giá; giới thiệu về khu đất đấu giá; nhắc lại mức giá khởi điểm; thông báo bước giá và khoảng thời gian tối đa cho việc trả giá, đặt giá; hướng dẫn cách trả giá và trả lời câu hỏi của người tham gia đấu giá; nhắc lại yêu cầu đối với phiếu trả giá hợp lệ, thời gian để thực hiện việc ghi phiếu và bỏ phiếu trả giá vào thùng phiếu; điều hành phiên đấu giá theo quy định tại Điều 42 Luật Đấu giá tài sản.

2.1. Cách thức trả giá:

Tất cả những Người tham gia đấu giá đã đăng ký đấu giá và đủ điều kiện tham gia phiên đấu giá sẽ bỏ phiếu trả giá một vòng trong cùng 01 (một) lần.

- Người tham gia đấu giá được phát phiếu trả giá để ghi giá trả cho từng suất đất/ thửa đất, nếu đăng ký đấu giá nhiều suất đất/thửa đất sẽ được phát số lượng tờ phiếu trả giá tương ứng với số lượng hồ sơ đã đăng ký tham gia. Nếu viết nhầm (trước khi bỏ phiếu) được yêu cầu đổi tờ phiếu trả giá khác, không được tẩy xóa, sửa chữa trên tờ phiếu (*trừ trường hợp đấu giá viên công bố tại phiên đấu giá đồng ý cho sửa chữa trực tiếp trên tờ phiếu*). Việc đổi phiếu trong thời gian quy định và được sự chấp thuận của Đấu giá viên. Người tham gia đấu giá phải nộp lại tờ phiếu đã bị hỏng trước khi nhận tờ phiếu mới trong trường hợp cần đổi phiếu trả giá.

- Thời gian viết phiếu (*bao gồm cả thời gian bỏ phiếu trả giá vào thùng phiếu*) **"không quá 30 phút"**. Thời gian cụ thể sẽ được Đấu giá viên công bố tại phiên đấu giá.

- Người tham gia đấu giá trực tiếp bỏ phiếu trả giá của mình vào thùng phiếu, nếu nhờ người khác bỏ phiếu hộ dẫn đến thất lạc phiếu trả giá thì người tham gia phải tự chịu trách nhiệm về việc đó. Khi Phiếu trả giá đã được bỏ vào thùng phiếu, người tham gia đấu giá không được rút lại Phiếu trả giá với bất kỳ lý do nào.

- Khi thời gian bỏ phiếu đã kết thúc (đồng hồ đếm ngược hiển thị thời gian **về 00:00**), **các phiếu trả giá nộp muộn được coi là phiếu không hợp lệ, không được xét giá.**

- Việc xét giá được tiến hành công khai ngay tại chỗ, Đấu giá viên xem xét các phiếu trả giá hợp lệ theo quy định. Việc xếp hạng giá trả được sắp xếp theo thứ tự từ cao

xuống thấp để xác định người trúng đấu giá đối với từng suất đất, có sự giám sát của đại diện người có tài sản đấu giá và đại diện của người tham gia đấu giá.

2.2. Nguyên tắc xác định người trúng đấu giá, giá trúng đấu giá

a) Việc xác định người trúng đấu giá, giá trúng đấu giá dựa trên 2 tiêu chí: có phiếu trả giá hợp lệ và có giá trả hợp lệ:

*) **Phiếu trả giá hợp lệ**: Là phiếu trả giá do Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản phát hành (*phiếu theo mẫu in sẵn, có đóng dấu của Tổ chức đấu giá tài sản)*, Phiếu ghi đầy đủ các nội dung cần thiết theo mẫu, có thông tin thống nhất với hồ sơ xác định tư cách người tham gia đấu giá, nộp đúng thời gian quy định, đã ký và ghi rõ họ và tên.

-, **Giá trả hợp lệ**: là giá ghi trong phiếu trả giá, bằng giá khởi điểm cộng với số nguyên lần bước giá *(giá trả phải có nghĩa, rõ nghĩa, xác định được theo quy định đồng tiền Việt Nam; ghi đầy đủ hàng triệu, trăm, nghìn,....)*. Số tiền trả giá viết bằng chữ và/hoặc viết bằng số trong phiếu đấu giá phải thống nhất, nếu có sự sai lệch thì sẽ lấy giá trị bằng chữ để xét giá. Trường hợp người tham gia đấu giá nếu trả sai bước giá sẽ được xác định là giá trả không hợp lệ, không được xét giá.

- Giá trả hợp lệ**: Là giá ghi trong phiếu trả giá, bằng giá khởi điểm đấu giá + n x (nhân) bước giá**

Trong đó: Bước giá là: **200.000** đồng/m^2 ; n = 0,1,2,3...).

*) **Phiếu trả giá không hợp lệ:** là Phiếu trả giá không đáp ứng yêu cầu của Phiếu hợp lệ, phiếu rách nát, tẩy xóa, không ghi giá trả, giá trả sai bước giá, giá trả không có nghĩa, không ký và ghi đầy đủ họ tên; phiếu không được bỏ vào thùng phiếu đúng thời gian quy định; các trường hợp được xác định là phiếu không hợp lệ quy định tại Quy chế cuộc đấu giá này.

b) Xác định người trúng đấu giá, giá trúng đấu giá:

- Người trúng đấu giá: Là người duy nhất có phiếu trả giá hợp lệ và có giá trả hợp lệ cao nhất cho 1m^2 đất được đấu giá viên công bố và Cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc là người bốc được thăm trúng đấu giá nếu có từ hai người trở lên có phiếu trả giá hợp lệ và có cùng mức giá trả hợp lệ cao nhất nhưng không đồng ý đấu giá tiếp.

- Giá xét trúng đấu giá: **Là giá trả hợp lệ cao nhất và cao hơn so với giá khởi điểm.**

- Tiền sử dụng trong đấu giá (mặc định)*: Việt Nam đồng.*

- Giá trả ghi trên phiếu đấu giá (mặc định)*: đơn vị tính trên 01 (một) mét vuông*

2.3. Xử lý tình huống phát sinh:

- Trường hợp, có từ hai người trở lên cùng trả giá cao nhất và bằng nhau, Đấu giá viên tổ chức đấu giá tiếp giữa những người cùng trả giá cao nhất (*giá khởi điểm để đấu giá tiếp là giá cao nhất đã trả bằng nhau*) để chọn ra người trúng đấu giá. Nếu trong số những người có giá trả cao nhất có người tiếp tục trả giá thì đấu giá viên phát phiếu trả giá cho người đó; đấu giá viên công bố người đó là người trúng đấu giá nếu người đó có giá trả cao hơn. Nếu tất cả người có giá trả cao nhất không đồng ý đấu giá tiếp thì đấu giá viên tổ chức bốc thăm để chọn ra người trúng đấu giá.

- Đối với hình thức đấu giá trực tiếp tại phiên đấu giá, nếu người đã trả giá cao nhất rút lại giá đã trả trước khi Đấu giá viên công bố người trúng đấu giá thì phiên đấu giá vẫn tiếp tục và bắt đầu từ giá của người trả giá liền kề.

- Trường hợp, sau khi Đấu giá viên đã công bố người trúng đấu giá mà tại phiên đấu

giá người này từ chối kết quả trúng đấu giá thì người trả giá liền kề là người trúng đấu giá, nếu giá liền kề đó cộng với khoản tiền đặt trước ít nhất bằng giá đã trả của người từ chối kết quả trúng đấu giá và người trả giá liền kề chấp nhận mua tài sản đấu giá. Trường hợp giá liền kề cộng với khoản tiền đặt trước nhỏ hơn giá đã trả của người từ chối kết quả trúng đấu giá hoặc người trả giá liền kề không chấp nhận mua tài sản đấu giá thì suất đất đó đấu giá không thành.

- Các tình huống phát sinh khác tại phiên đấu giá sẽ được đấu giá viên giải quyết và xử lý phù hợp theo quy định pháp luật hiện hành về đấu giá tài sản.

3. Biên bản đấu giá.

Diễn biến của phiên đấu giá được ghi vào biên bản đấu giá. Biên bản đấu giá được lập tại phiên đấu giá và có chữ ký của đấu giá viên điều hành phiên đấu giá, người ghi biên bản, người trúng đấu giá, người có tài sản đấu giá, đại diện của những người tham gia đấu giá (*Theo quy định tại Khoản 2 Điều 44 Luật Đấu giá tài* sản).

ĐIỀU 15. TRƯỜNG HỢP ĐẤU GIÁ KHÔNG THÀNH

- Tất cả những người đã đăng ký tham gia đấu giá hợp lệ nhưng không tham dự phiên đấu giá;

- Đã hết thời hạn đăng ký mà không có người đăng ký tham gia đấu giá;

- Tại phiên đấu giá không có người trả giá hoặc không có người chấp nhận giá;

- Người trúng đấu giá từ chối ký biên bản đấu giá theo quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu giá tài sản;

- Người đã trả giá rút lại giá đã trả, người đã chấp nhận giá rút lại giá đã chấp nhận theo quy định tại Điều 50 Luật Đấu giá tài sản mà không có người trả giá tiếp;

- Trường hợp từ chối kết quả trúng đấu giá theo quy định tại Điều 51 của Luật Đấu giá tài sản;

- Việc đấu giá tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 49 Luật đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung tại Điểm a Khoản 31 Điều 1 Luật Đấu giá tài sản 2024 không áp dụng đối với tài sản mà pháp luật áp dụng đối với tài sản đó quy định không đấu giá trong trường hợp chỉ có một người đăng ký tham gia đấu giá, một người tham gia đấu giá, một người trả giá theo quy định tại khoản 2a Điều 49 Luật đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung tại Điểm b Khoản 31 Điều 1 Luật Đấu giá tài sản 2024.

ĐIỀU 16. XỬ LÝ TIỀN ĐẶT TRƯỚC; CÁC TRƯỜNG HỢP BỊ TRUẤT QUYỀN THAM GIA ĐẤU GIÁ; CÁC TRƯỜNG HỢP KHÔNG ĐƯỢC NHẬN LẠI TIỀN ĐẶT TRƯỚC.

1. Tiền đặt trước.

- Người tham gia đấu giá phải nộp số tiền đặt trước đúng thời hạn quy định tại Thông báo đấu giá tài sản và Quy chế cuộc đấu giá này.

- Người tham gia đấu giá có quyền từ chối tham gia đấu giá và nhận lại tiền đặt trước trong trường hợp có thay đổi về giá khởi điểm, số lượng, chất lượng tài sản, thời gian, địa điểm tổ chức phiên đấu giá, hình thức đấu giá, phương thức đấu giá đã niêm yết, thông báo công khai.

2. Xử lý tiền đặt trước:

- Khoản tiền đặt trước của Người trúng đấu giá được trừ vào tổng số tiền trúng đấu giá phải nộp Ngân sách nhà nước

- Những người không trúng đấu giá, không vi phạm quy chế đấu giá bao gồm cả những người đã nộp tiền nhưng không đủ điều kiện tham gia phiên đấu giá sẽ được nhận lại tiền đặt trước trong thời hạn **03 (ba**) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá. Tiền đặt trước được trả theo hình thức chuyển khoản theo quy định tại Điều 39 Luật đấu giá tài sản (***người tham gia đấu giá phải cung cấp số tài khoản "CHÍNH CHỦ" của người đã ký tên trên Phiếu đăng ký tham gia đấu giá).*** Trường hợp không cung cấp số tài khoản hoặc không dùng tài khoản, người tham gia đấu giá phải trực tiếp mang theo CCCD/CC đến Ngân hàng để nhận lại bằng tiền mặt. Mọi khoản phí phát sinh trong việc nhận lại tiền đặt trước (nếu có) do người tham gia đấu giá có trách nhiệm chi trả theo mức phí quy định của từng Ngân hàng.

3. **Các trường hợp bị truất quyền tham gia đấu giá** *(Khoản 5 Điều 9 được sửa đổi, bổ sung bởi Điểm g Khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật đấu giá tài sản)*

a) Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật; sử dụng giấy tờ giả mạo để đăng ký tham gia đấu giá, tham gia cuộc đấu giá;

b) Thông đồng, móc nối với đấu giá viên, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá khác, cá nhân, tổ chức khác để dìm giá, nâng giá, làm sai lệch kết quả đấu giá tài sản;

c) Cản trở hoạt động đấu giá tài sản; gây rối, mất trật tự tại cuộc đấu giá;

d) Đe dọa, cưỡng ép đấu giá viên, người tham gia đấu giá khác nhằm làm sai lệch kết quả đấu giá tài sản;

d1) Nhận ủy quyền tham gia đấu giá của người tham gia đấu giá khác đối với tài sản mà mình cũng là người tham gia đấu giá tài sản đó; nhận ủy quyền tham gia đấu giá của từ hai người tham gia đấu giá trở lên đối với cùng một tài sản;

d2) Tham dự phiên đấu giá trong trường hợp vợ, chồng, anh ruột, chị ruột, em ruột cũng là người tham gia đấu giá đối với tài sản đó;

d3) Tham dự phiên đấu giá trong trường hợp công ty mẹ, công ty con, các doanh nghiệp mà cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp cũng là người tham gia đấu giá đối với tài sản đó;

đ) Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của luật có liên quan

4. Các trường hợp không được nhận lại tiền đặt trước *(Khoản 6 Điều 39 Luật đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung bởi Điểm b Khoản 24 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật đấu giá tài sản)*

a) Đã nộp tiền đặt trước nhưng không tham dự cuộc đấu giá, buổi công bố giá mà không thuộc trường hợp bất khả kháng.

b) Bị truất quyền tham gia đấu giá do có hành vi vi phạm quy định tại Khoản 5 Điều 9 được sửa đổi, bổ sung bởi Điểm g Khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật đấu giá tài sản, các trường hợp cụ thể như quy định tại khoản 3 Điều này.

c) Từ chối ký biên bản đấu giá theo quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật đấu giá tài sản;

d) Rút lại giá đã trả hoặc giá đã chấp nhận theo quy định tại Điều 50 của Luật đấu giá tài sản;

đ) Từ chối kết quả trúng đấu giá theo quy định tại Điều 51 của Luật đấu giá tài sản.

ĐIỀU 17. HÌNH THỨC, THỜI HẠN NỘP TIỀN TRÚNG ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

1. Hình thức nộp:

Người trúng đấu giá nộp tiền sử dụng đất bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo thông tin được quy định tại Thông báo nộp tiền sử dụng đất do cơ quan thuế ban hành.

2. Thời gian nộp tiền trúng đấu giá:

- Người trúng đấu giá nộp tiền sử dụng đất theo Quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá của UBND xã Hoàng Hoa Thám và theo Thông báo của Thuế cơ sở 5 tỉnh Hưng Yên. **Thời hạn nộp tiền trúng đấu giá một lần, trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký Thông báo nộp tiền sử dụng đất của cơ quan Thuế**.

- Trường hợp người trúng đấu giá không nộp tiền hoặc không nộp đủ tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất theo thời gian quy định, cơ quan thuế có trách nhiệm thông báo đến cơ quan chức năng quản lý đất đai trình UBND xã Hoàng Hoa Thám hủy quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá, người trúng đấu giá không được nhận lại tiền đặt cọc. Đối với trường hợp người trúng đấu giá đã nộp nhiều hơn khoản tiền đặt cọc thì được Nhà nước hoàn trả số tiền chênh lệch nhiều hơn so với số tiền đặt cọc theo quy định.

ĐIỀU 18. GIAO ĐẤT, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CHO NGƯỜI TRÚNG ĐẤU GIÁ.

- Căn cứ Quyết định công nhận kết quả đấu giá của Cấp có thẩm quyền và chứng từ xác nhận đã nộp đủ tiền sử dụng đất (*tiền trúng đấu giá*), lệ phí trước bạ của người trúng đấu giá, Cơ quan chức năng quản lý đất đai trình Cấp có thẩm quyền quyết định giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định Luật đất đai hiện hành.

- Thời hạn thực hiện các nhiệm vụ trên theo quy định của Luật đất đai 2024

CHƯƠNG IV

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN VÀ CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

ĐIỀU 19. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI THAM GIA ĐẤU GIÁ

- Được cung cấp thông tin về khu đất, thửa đất đấu giá và có thể ủy quyền bằng văn bản cho người đại diện thay mặt tham gia đấu giá theo quy định.

- Chấp hành đầy đủ các quy định về điều kiện và nghĩa vụ của người đăng ký tham gia đấu giá theo phương án đấu giá được duyệt và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

- Chấp hành nghiêm nội quy của phiên đấu giá, Quy chế cuộc đấu giá.

ĐIỀU 20. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI TRÚNG ĐẤU GIÁ:

1. Người trúng đấu giá có các quyền sau đây:

- Được công nhận kết quả trúng đấu giá và làm các thủ tục để nhận bàn giao đất theo quy định.

- Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

- Được hưởng các quyền của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

- Được quyền sử dụng hạ tầng kỹ thuật trong khu đất và kết nối hạ tầng kỹ thuật ngoài khu đất để phục vụ cho việc sử dụng đất.

2. Người trúng đấu giá có các nghĩa vụ sau đây:

- Ký Biên bản đấu giá.

- Nộp tiền trúng đấu giá đầy đủ, đúng hạn theo Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất, Thông báo nộp tiền sử dụng đất do cơ quan thuế ban hành.

- Nộp lệ phí trước bạ đất theo quy định của Bộ Tài chính trước khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Chịu sự quản lý của Nhà nước về đất đai, môi trường, quản lý quy hoạch, đầu tư kiến trúc, xây dựng và chịu sự kiểm tra giám sát của Nhà nước trong quá trình xây dựng.

- Khi xây dụng phải xin cấp phép xây dựng theo quy định, xây dựng theo đúng quy hoạch chi tiết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Khi xây dựng xong công trình, người trúng đấu giá có trách nhiệm sửa chữa, hoàn trả lại nguyên trạng hạ tầng kỹ thuật khu đất ban đầu, nếu gây ra hư hỏng.

- Liên hệ với các cơ quan chức năng để ký kết hợp đồng sử dụng điện sinh hoạt, hệ thống nước sạch (nếu có) và đấu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong lô đất.

- Thực hiện đúng các cam kết đã ký kết trong hồ sơ tham gia đấu giá đã nộp.

- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

ĐIỀU 21. NỘI QUY PHIÊN ĐẤU GIÁ

- Người nộp hồ sơ tham gia đấu giá không đủ điều kiện tham gia đấu giá, người không phải là khách mời, người không có nhiệm vụ được phân công của Người có tài sản/Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được vào phòng tổ chức phiên đấu giá;

- Người đủ điều kiện tham gia đấu giá (hoặc người được ủy quyền hợp lệ) phải có mặt tham dự phiên đấu giá tại địa điểm tổ chức phiên đấu giá theo đúng ngày, giờ quy định tại Quy chế cuộc đấu giá;

- Người tham gia đấu giá là 01 (một) người duy nhất có tên trong danh sách xét duyệt đủ điều kiện tham gia phiên đấu giá (**Trường hợp có người đại diện theo ủy quyền thì cần phải có văn bản ủy quyền hợp lệ).** Trong một phiên đấu giá, một người chỉ được đại diện (bao gồm cả đại diện theo pháp luật và đại diện theo ủy quyền) cho một người tham gia đấu giá, nếu đã là người tham gia đấu giá tại cùng 01 phiên đấu giá thì không được đại diện cho người tham gia đấu giá khác.

- Người tham gia đấu giá phải có trang phục lịch sự, thái độ ứng xử đúng mực, ngồi đúng vị trí ban tổ chức phiên đấu giá đã sắp xếp, không đi lại tự do, không tự ý đổi chỗ ngồi, không trao đổi với cá nhân khác trong quá trình trả giá.

- Người tham gia đấu giá **"KHÔNG SỬ DỤNG ĐIỆN THOẠI"** hoặc bất kỳ phương tiện truyền thông nào trong phòng đấu giá; không được quay phim, chụp hình trong phòng tổ chức đấu giá, không tự ý ra khỏi phòng đấu giá nếu chưa có sự đồng ý của Đấu giá viên;

- Người tham gia đấu giá không hút thuốc, không mang chất cháy nổ, chất kích thích vào khu vực tổ chức đấu giá, không được sử dụng chất kích thích khi đến tham dự đấu giá,

- Người tham gia đấu giá tuân thủ tuyệt đối sự điều hành phiên đấu giá của Đấu giá viên, không tranh luận với Đấu giá viên vì bất kỳ lý do nào;

- Người tham gia đấu giá có hành vi phá rối, cản trở phiên đấu giá hoặc liên kết, thông đồng dìm giá thì bị truất quyền tham gia đấu giá và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Các trường hợp vi phạm, tùy mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo Quy chế đấu giá, hoặc xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 22. XỬ LÝ VI PHẠM

- Người tham gia đấu giá, người trúng đấu giá, cá nhân, tổ chức có liên quan có hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 9 Luật Đấu giá tài sản 2016 hoặc quy định khác tại Luật Đấu giá tài sản 2016 và các văn bản pháp luật khác có liên quan, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật *(Điều 70 Luật Đấu giá tài sản)*.

- Người có tài sản đấu giá có hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 9, khoản 2 Điều 47 Luật Đấu giá tài sản hoặc quy định khác tại Luật Đấu giá tài sản và các văn bản pháp luật khác có liên quan, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật *(Điều 71 Luật Đấu giá tài sản)*.

- Người trúng đấu giá quyền sử dụng đất mà sử dụng đất sai mục đích thì bị xử lý theo quy định của Luật Đất đai.

- Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, Đấu giá viên có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế cuộc đấu giá sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật, tùy vào mức độ và tính chất của hành vi vi phạm.

- Xử lý vi phạm đối với người trúng đấu giá QSD đất trong trường hợp giao đất ở:

+ Người trúng đấu giá không nộp hoặc nộp không đủ số tiền theo kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất theo thời hạn quy định thì bị tịch thu khoản tiền đặt trước đấu giá đã nộp;

+ Người trúng đấu giá quyền sử dụng đất đối với trường hợp giao đất ở vi phạm nghĩa vụ nộp tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất dẫn đến quyết định công nhận kết quả đấu giá bị hủy thì bị cấm tham gia đấu giá đối với quyền sử dụng đất trong trường hợp giao đất ở được quy định tại **Nghị quyết số 66.11/NQ-CP ngày 06/01/2026 Quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp giao đất ở theo quy định của Luật Đất đai**, cụ thể:

(i) Từ 02 năm đến 05 năm đối với trường hợp người trúng đấu giá không nộp tiền trúng đấu giá.

(ii) Từ 06 tháng đến 03 năm đối với trường hợp người trúng đấu giá nộp không đầy đủ tiền trúng đấu giá.

ĐIỀU 23. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Trường hợp bất khả kháng có sự thay đổi về thời gian, địa điểm tổ chức phiên đấu giá, Công ty đấu giá hợp danh Đấu giá Việt Nam sẽ thông báo kịp thời đến Người có tài sản đấu giá, người đủ điều kiện tham gia đấu giá theo đúng quy định pháp luật về đấu giá tài sản.

- Trường hợp trước ngày tổ chức đấu giá, nếu có sự thay đổi về số lượng suất đất đưa ra đấu giá, giá khởi điểm, thời gian, địa điểm tổ chức phiên đấu giá, người tham gia đấu giá phải phối hợp thực hiện.

- Khoản tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá chỉ được trả lại trong trường hợp phiên đấu giá không tổ chức được.

- Người tham gia đấu giá đã mua hồ sơ, được hiểu là đã tự tìm hiểu về khu đất đấu giá và có nhu cầu tự nguyện tham gia đấu giá. Đơn vị thực hiện phiên đấu giá không giải quyết bất kỳ yêu cầu nào của người tham gia đấu giá trong việc đề nghị trả lại hồ sơ đã mua và nhận lại tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá với lý do không còn nhu cầu.

- Người mua hồ sơ tham gia đấu giá có nhu cầu lấy hóa đơn thì phải gửi thông tin đến địa chỉ email: online.daugiavietnam@gmail.com đầy đủ các nội dung gồm: ***tên, địa chỉ, mã số thuế, Email nhận hóa đơn điện tử*** chậm nhất trước thời điểm kết thúc việc bán hồ sơ mời tham gia đấu giá. Sau thời điểm này, nếu không nhận được email xác nhận từ người tham gia đấu giá, Công ty đấu giá hợp danh Đấu giá Việt Nam lập hóa đơn tiền bán hồ sơ tham gia đấu giá theo quy định pháp luật về hóa đơn, chứng từ.

- Hồ sơ mời tham gia đấu giá tài sản được đăng tải công khai, ĐỀ NGHỊ người tham gia đấu giá tham khảo kỹ hồ sơ đấu giá trước khi nộp hồ sơ tham gia đấu giá. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không chịu trách nhiệm đối với các trường hợp phát sinh do lỗi của người tham gia đấu giá không tìm hiểu kỹ hồ sơ.

- Quyết định của Đấu giá viên điều hành phiên đấu giá là quyết định cuối cùng và các bên phải thực hiện theo, đồng thời Đấu giá viên điều hành phiên đấu giá chịu trách nhiệm trước pháp luật về các quyết định đó. Tất cả các hành vi cản trở hoạt động của đấu giá viên, gây rối, mất trật tự tại phiên đấu giá, đe dọa, cưỡng ép đấu giá viên…. của người tham gia đấu giá sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 24. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

Người có tài sản đấu giá (*Đơn vị tổ chức việc đấu giá quyền sử dụng đất*) chịu trách nhiệm về tính pháp lý của quyền sử dụng đất đưa ra đấu giá. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản chịu trách nhiệm tuân thủ đúng quy định pháp luật về trình tự, thủ tục đấu giá mà không chịu trách nhiệm về tính pháp lý và các vấn đề khác có liên quan đến quyền sử dụng đất đấu giá.

Đấu giá viên, nhân viên của Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, Đơn vị tổ chức việc đấu giá và người tham gia đấu giá, các tổ chức cá nhân khác liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế cuộc đấu giá này.

Mọi trường hợp phát sinh giữa các bên sẽ được giải quyết theo quy định tại Quy chế này, trường hợp bản Quy chế này không quy định, khiếu nại và tranh chấp giữa các bên sẽ được giải quyết theo quy định pháp luật hiện hành.

Quy chế đấu giá được lập gồm 24 Điều, Thông báo đấu giá tài sản là tài liệu không tách rời bản Quy chế này.

CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH
ĐẤU GIÁ VIỆT NAM
GIÁM ĐỐC

CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH ĐẤU GIÁ VIỆT NAM

Nguyễn Thị Thu Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ HOÀNG HOA THÁM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**
Số:2531 /QĐ - UBND	*Hoàng Hoa Thám, ngày 13 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở đối với 96 suất đất tại Khu dân cư mới xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ (cũ), nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HOÀNG HOA THÁM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật đấu giá tài sản ngày 17/11/2016 được sửa đổi theo Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 66.11/2026/NQ-CP ngày 06/01/2026 của Chính phủ quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp giao đất ở theo quy định của luật đất đai;

Căn cứ các Nghị định: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/06/2024 của Chính phủ quy định về giá đất; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026, quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai; số 214/2025/NĐ -CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 13/2026/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phân cấp, ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định giao đất số 2304/QĐ-UBND ngày 23/7/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc giao đất cho UBND xã để thực hiện Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới, xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ cũ nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên: số 812/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 ban hành quy định về bảng giá đất lần đầu để công bố áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Nghị quyết số 06/2026/NQ-HĐND ngày

12/6/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 812/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025; và Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 01/7/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên Về việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 2416/QĐ-UBND ngày 26/7/2026 của Chủ tịch UBND xã Hoàng Hoa Thám về việc phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở đối với 96 suất đất tại Khu dân cư mới xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ (cũ), nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 1818/QĐ-UBND ngày 22/5/2026 của Chủ tịch UBND xã Hoàng Hoa Thám về việc phân công công tác của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và Uỷ viên UBND xã Hoàng Hoa Thám, nhiệm kỳ 2026-2031;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Tờ trình số 681 /TTr-KT ngày 12/ 8/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở đối với 96 suất đất tại Khu dân cư mới, xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ (cũ) nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên.

(*Có phương án đấu giá kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Giao Phòng Kinh tế xã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan và tổ chức hành nghề đấu giá tài sản tổ chức thực hiện Phương án đấu giá quyền sử dụng đất được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, bảo đảm công khai, minh bạch, đúng trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật.

- Văn phòng HĐND và UBND xã có trách nhiệm đăng tải công khai Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử của UBND xã Hoàng Hoa Thám theo quy định.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này thay thế Quyết định số 2416/QĐ-UBND ngày 26/7/2026 của Chủ tịch UBND xã Hoàng Hoa Thám về việc phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở đối với 96 suất đất tại Khu dân cư mới xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ (cũ), nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh văn phòng HĐND - UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế xã; Trưởng Thuế cơ sở 5 tỉnh Hưng Yên; Thủ trưởng các phòng, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Thường trực ĐU, TTHĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT, KT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lã Anh Tuấn

PHƯƠNG ÁN ĐẤU GIÁ

Quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở đối với 96 suất đất tại Khu dân cư mới, xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ (cũ), nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên

(Kèm theo Quyết định số 253/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2026 của UBND xã Hoàng Hoa Thám)

1. Vị trí, diện tích, loại đất các thửa đất đấu giá:

- Vị trí khu đất đấu giá: Tại xã Hoàng Hoa Thám (Nhật Tân cũ), tỉnh Hưng Yên. Được xác định theo Tổng mặt bằng quy định tổng thể Dự án khu dân cư mới, xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ (cũ) nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên;
- Tổng số thửa đất: 96 suất đất.
- Tổng diện tích đất ở: 9.142,5 m^2.
- Loại đất: Đất ở tại nông thôn.
- Mục đích sử dụng đất: Để xây nhà ở theo quy hoạch được duyệt.

(Có mặt bằng quy hoạch tổng thể kèm theo).

2. Hình thức giao đất, thời hạn giao đất

- Hình thức giao đất: Giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.
- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

3. Dự kiến thời gian tổ chức đấu giá 96 suất đất:

Dự kiến thời gian tổ chức đấu giá	Tổng số suất đất	Diện tích (m^2)
Qúy III/2026	LK01 (22 suất)	2.121,50
	LK02 (12 suất)	1.162,00
	LK03 (22 suất)	2.067,00
	LK04 (12 suất)	1.132,00
	LK05 (28 suất)	2.660,00
Tổng cộng	**96 suất đất**	**9.142,50**

4. Đối tượng, điều kiện được tham gia đấu giá, nghĩa vụ của người tham gia đấu giá.

4.1. Đối tượng được tham gia đấu giá: Là cá nhân tham gia đấu giá thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất theo quy định tại Điều 119 Luật Đất đai năm 2024 và bảo đảm các quy định tại khoản 4 Điều 125 Luật Đất đai năm 2024. Có đăng ký tham gia đấu giá thông qua việc nộp hồ sơ tham gia đấu giá hợp lệ và tiền đặt trước cho Tổ chức đấu giá tài sản theo quy định.

4.2. Điều kiện được tham gia đấu giá: Những người thuộc đối tượng quy định tại mục 4.1 thực hiện đăng ký tham gia đấu giá theo quy định tại Điều 38 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.

4.3. Đối tượng không được tham gia đấu giá

- Các trường hợp không đủ điều kiện theo qui định tại mục 4.1 nêu trên.

- Các trường hợp theo qui định tại khoản 4, Điều 38 Luật đấu giá tài sản năm 2016 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản; các qui định của pháp luật có liên quan.

4.4. Nghĩa vụ của người tham gia đấu giá.

- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các nội dung được quy định Quy chế đấu giá và tại Phương án đấu giá đã được phê duyệt.

- Tự tìm hiểu vị trí mặt bằng các suất đất đã quy hoạch để đấu giá qua bản vẽ quy hoạch chi tiết (*Có trong bộ hồ sơ đấu giá)* và tại thực địa nơi có các vị trí suất đất đấu giá.

- Thực hiện đúng các cam kết đã ký trong hồ sơ tham gia đấu giá.

4.5. Nghĩa vụ của người trúng đấu giá.

- Ký Biên bản đấu giá.

- Nộp tiền trúng đấu giá đầy đủ, đúng hạn theo Quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất, Thông báo nộp tiền sử dụng đất của cơ quan thuế và nộp lệ phí trước bạ đất theo quy định của pháp luật.

- Chịu sự quản lý của Nhà nước về đất đai, môi trường, quản lý quy hoạch, đầu tư kiến trúc, xây dựng và chịu sự kiểm tra giám sát của Nhà nước trong quá trình đầu tư, xây dựng.

- Sử dụng đất đúng mục đích, đúng qui hoạch. Người sử dụng đất khi xây dựng nhà ở trên thửa đất đó phải tuân thủ đầy đủ các qui định của nhà nước.

5. Chi phí tổ chức thực hiện việc đấu giá.

- Căn cứ Luật Đấu giá tài sản năm 2016 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản;

- Căn cứ theo quy định tại Thông tư số 03/2025/TT-BTC ngày 22/01/2025 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; quy định việc thu, chi, quản lý và sử dụng tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản;

- Thù lao dịch vụ đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện theo quy định tại Điều 66 Luật đấu giá tài sản năm 2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản;

6. Dự kiến giá khởi điểm, bước giá, giá trả hợp lệ, giá trúng đấu giá và người trúng đấu giá, khoản tiền đặt trước phải nộp và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật:

6.1. Dự kiến giá khởi điểm

- Giá khởi điểm đấu giá là mức giá đã được UBND cấp có thẩm quyền phê duyệt theo thẩm quyền, được thông báo công khai trước cuộc đấu giá.

TT	Suất đất	Diện tích (m^2)	Đặc điểm, vị trí (thuộc Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ cũ (1,67 ha)	Đề xuất giá khởi điểm để đấu giá (đồng/m^2)	Gía trị suất đất theo giá khởi điểm (đồng/m^2)
I	**LK 01 (22 suất)**	**2.121,50**			
1	1	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường ĐH.72	27.000.000	2.700.000.000
2	2	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường ĐH.72	27.000.000	2.700.000.000
3	3	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường ĐH.72	27.000.000	2.700.000.000
4	4	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường ĐH.72	27.000.000	2.700.000.000
5	5	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường ĐH.72	27.000.000	2.700.000.000
6	6	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường ĐH.72	27.000.000	2.700.000.000
7	7	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường ĐH.72	27.000.000	2.700.000.000
8	8	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường ĐH.72	27.000.000	2.700.000.000
9	9	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường ĐH.72	27.000.000	2.700.000.000
10	10	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường ĐH.72	27.000.000	2.700.000.000
11	11	88,00	Tiếp giáp hai (02) mặt đường, một mặt đường ĐH.72, một mặt có mặt cắt rộng 15,5m;	31.050.000	2.732.400.000
12	12	83,50	Tiếp giáp hai (02) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m;	20.700.000	1.728.450.000
13	13	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m;	18.000.000	1.710.000.000
14	14	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m;	18.000.000	1.710.000.000
15	15	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt	18.000.000	1.710.000.000

			cắt rộng 15,5m;		
16	16	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m;	18.000.000	1.710.000.000
17	17	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m;	18.000.000	1.710.000.000
18	18	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m;	18.000.000	1.710.000.000
19	19	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m;	18.000.000	1.710.000.000
20	20	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m;	18.000.000	1.710.000.000
21	21	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m;	18.000.000	1.710.000.000
22	22	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m;	18.000.000	1.710.000.000
II	**LK02 (12 suất)**	**1.162,00**			
23	23	98,00	Tiếp giáp hai (02) mặt đường, một mặt đường ĐH.72, một mặt có mặt cắt rộng 15,5m;	31.050.000	3.042.900.000
24	24	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường ĐH.72	27.000.000	2.700.000.000
25	25	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường ĐH.72	27.000.000	2.700.000.000
26	26	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường ĐH.72	27.000.000	2.700.000.000
27	27	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường ĐH.72	27.000.000	2.700.000.000
28	28	98,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường ĐH.72, và mương thủy lợi;	27.000.000	2.646.000.000
29	29	93,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m và	18.000.000	1.674.000.000

			mương thủy lợi;		
30	30	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	18.000.000	1.710.000.000
31	31	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	18.000.000	1.710.000.000
32	32	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	18.000.000	1.710.000.000
33	33	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	18.000.000	1.710.000.000
34	34	93,00	Tiếp giáp hai (02) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m;	20.700.000	1.925.100.000
III	**LK03 (22 suất)**	**2.067,00**			
35	35	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m;	18.000.000	1.710.000.000
36	36	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m;	18.000.000	1.710.000.000
37	37	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m;	18.000.000	1.710.000.000
38	38	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m;	18.000.000	1.710.000.000
39	39	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m;	18.000.000	1.710.000.000
40	40	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m;	18.000.000	1.710.000.000
41	41	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m;	18.000.000	1.710.000.000
42	42	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m;	18.000.000	1.710.000.000
43	43	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt	18.000.000	1.710.000.000

			cắt rộng 15,5 m;		
44	44	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m;	18.000.000	1.710.000.000
45	45	83,50	Tiếp giáp hai (02) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m;	20.700.000	1.728.450.000
46	46	83,50	Tiếp giáp hai (02) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m;	20.700.000	1.728.450.000
47	47	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	18.000.000	1.710.000.000
48	48	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	18.000.000	1.710.000.000
49	49	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	18.000.000	1.710.000.000
50	50	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	18.000.000	1.710.000.000
51	51	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	18.000.000	1.710.000.000
52	52	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	18.000.000	1.710.000.000
53	53	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	18.000.000	1.710.000.000
54	54	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	18.000.000	1.710.000.000
55	55	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	18.000.000	1.710.000.000
56	56	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	18.000.000	1.710.000.000
IV	**LK04 (12 suất)**	**1.132,00**			

57	57	93,00	Tiếp giáp hai (02) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m;	20.700.000	1.925.100.000
58	58	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m;	18.000.000	1.710.000.000
59	59	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m;	18.000.000	1.710.000.000
60	60	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m;	18.000.000	1.710.000.000
61	61	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m;	18.000.000	1.710.000.000
62	62	93,00	Tiếp giáp hai (02) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m;	20.700.000	1.925.100.000
63	63	93,00	Tiếp giáp hai (02) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m; và một mặt đối diện với công viên, cây xanh	21.735.000	2.021.355.000
64	64	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m và đối diện với công viên, cây xanh	18.900.000	1.795.500.000
65	65	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m và đối diện với công viên, cây xanh	18.900.000	1.795.500.000
66	66	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m và đối diện với công viên, cây xanh	18.900.000	1.795.500.000
67	67	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m và đối diện với công	18.900.000	1.795.500.000

			viên, cây xanh		
68	68	93,00	Tiếp giáp hai (02) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m; và đối diện với công viên, cây xanh	21.735.000	2.021.355.000
V	**LK05 (28 suất)**	**2.660,00**			
69	69	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m;	18.000.000	1.710.000.000
70	70	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m;	18.000.000	1.710.000.000
71	71	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m;	18.000.000	1.710.000.000
72	72	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m;	18.000.000	1.710.000.000
73	73	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m;	18.000.000	1.710.000.000
74	74	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m;	18.000.000	1.710.000.000
75	75	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m;	18.000.000	1.710.000.000
76	76	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m;	18.000.000	1.710.000.000
77	77	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m;	18.000.000	1.710.000.000
78	78	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m;	18.000.000	1.710.000.000
79	79	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m;	18.000.000	1.710.000.000
80	80	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt	18.000.000	1.710.000.000

			cắt rộng 15,5 m;		
81	81	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m;	18.000.000	1.710.000.000
82	82	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường, có mặt cắt rộng 15,5m; và một mặt tiếp giáp với công viên, cây xanh;	18.900.000	1.795.500.000
83	83	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường, một mặt có mặt cắt rộng 13,5m; và một mặt tiếp giáp với công viên, cây xanh;	17.250.000	1.638.750.000
84	84	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 13,5m đến 14,5m;	15.000.000	1.425.000.000
85	85	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 13,5m đến 14,5m;	15.000.000	1.425.000.000
86	86	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 13,5m đến 14,5m;	15.000.000	1.425.000.000
87	87	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 13,5m đến 14,5m;	15.000.000	1.425.000.000
88	88	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 13,5m đến 14,5m;	15.000.000	1.425.000.000
89	89	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 13,5m đến 14,5m;	15.000.000	1.425.000.000
90	90	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt	15.000.000	1.425.000.000

			rộng 13,5m đến 14,5m;		
91	91	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 13,5m đến 14,5m;	15.000.000	1.425.000.000
92	92	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 13,5m đến 14,5m;	15.000.000	1.425.000.000
93	93	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 13,5m đến 14,5m;	15.000.000	1.425.000.000
94	94	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 13,5m đến 14,5m;	15.000.000	1.425.000.000
95	95	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 13,5m đến 14,5m;	15.000.000	1.425.000.000
96	96	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 13,5m đến 14,5m;	15.000.000	1.425.000.000
Tổng cộng		**9.142,50**			**179.249.910.000**

6.2. Bước giá đấu giá:

Bước giá là mức chênh lệch giữa lần trả giá đầu tiên so với giá khởi điểm hoặc giữa lần trả giá sau so với lần trả giá trước liền kề.

- Nguyên tắc trả giá: Người tham gia đấu giá tiến hành trả giá thông qua phiếu trả giá, trả ít nhất giá khởi điểm cộng 01 bước giá.

- Việc đấu giá quyền sử dụng đất được thực hiện đối với từng thửa đất hoặc nhóm các thửa đất. Thửa đất đưa ra đấu giá chỉ được bán khi thửa đất đảm bảo phải có từ 02 (hai) người đăng ký tham gia đấu giá, 02 (hai) người tham gia đấu giá và 02 (hai) người trả giá hợp lệ trở lên.

- Bước giá: 200.000 đồng/1m^2, áp dụng thống nhất cho tất cả các thửa đất đưa ra đấu giá.

6.3. Giá trả hợp lệ, giá trúng đấu giá và người trúng đấu giá

- Giá trả hợp lệ: Là giá trả từ giá khởi điểm trở lên.

- Giá xét trúng đấu giá: Là giá trả hợp lệ tính trên 1m^2 đất, trả bằng giá khởi điểm cộng ít nhất một bước giá trở lên.

- Người trúng đấu giá: Là người có mức giá trả hợp lệ cao nhất cho từng thửa đất.

6.4. Tiền đặt trước đấu giá

- Người tham gia đấu giá phải nộp khoản tiền đặt trước theo quy định tại Điều 39 Luật đấu giá tài sản năm 2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản và được quy định cụ thể tại Quy chế cuộc đấu giá và Thông báo mời tham gia đấu giá do đơn vị thực hiện cuộc đấu giá phát hành.

- Trường hợp người tham gia đấu giá có nhu cầu tham gia đấu giá nhiều thửa đất thì phải mua hồ sơ và nộp số tiền đặt trước tương ứng với số lượng thửa đất đăng ký tham gia đấu giá.

- Dự kiến tiền đặt trước là: Tiền đặt trước được xác định bằng 20% giá trị quyền sử dụng đất tính theo giá khởi điểm của từng thửa đất đấu giá.

6.5. Tiền phí hồ sơ tham gia đấu giá

- Mức tiền cụ thể được thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Thông tư số 03/2025/TT-BTC ngày 22/01/2025 của Bộ Tài chính.

- Trường hợp cuộc đấu giá không tổ chức được thì cá nhân đăng ký tham gia đấu giá được hoàn lại tiền hồ sơ đã nộp trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày dự kiến tổ chức cuộc đấu giá. Không hoàn lại tiền hồ sơ đối với cá nhân có hành vi vi phạm quy định của pháp luật đấu giá trong thời gian tổ chức đấu giá.

7. Phương thức, hình thức đấu giá

- Phương thức đấu giá: Trả giá lên.

- Hình thức đấu giá: Bỏ phiếu trực tiếp tại phiên đấu giá, việc đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện đối với từng thửa đất, mở kết quả công khai tại phiên đấu giá.

8. Phương thức lựa chọn đơn vị thực hiện cuộc đấu giá

Theo quy định tại khoản 7 Điều 55 Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và Khoản 9, Điều 4, Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.

9. Nộp tiền sử dụng đất

Người trúng đấu giá nộp tiền sử dụng đất theo Quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá của UBND xã Hoàng Hoa Thám và theo Thông báo của Thuế cơ sở 5 tỉnh Hưng Yên. ***Thời hạn nộp tiền trúng đấu giá một lần, trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký Thông báo nộp tiền sử dụng đất của cơ quan Thuế.***

Trường hợp người trúng đấu giá không nộp tiền hoặc không nộp đủ tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất theo thời gian quy định, cơ quan thuế có trách nhiệm thông báo đến cơ quan có chức năng quản lý đất đai trình UBND xã Hoàng Hoa Thám hủy quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá, người trúng đấu giá không được nhận lại tiền đặt cọc. Đối với trường hợp người trúng đấu giá đã nộp nhiều hơn khoản tiền đặt cọc thì được Nhà nước hoàn trả số tiền chênh lệch nhiều hơn so với số tiền đặt cọc theo quy định.

10. Về xử lý vi phạm đối với người trúng đấu giá quyền sử dụng đất:

Theo quy định tại khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 66.11/2026/NQ-CP:

- Người trúng đấu giá quyền sử dụng đất ***không nộp hoặc nộp không đầy đủ tiền trúng đấu giá***, dẫn đến quyết định công nhận kết quả đấu giá bị hủy, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm ***thì bị cấm tham gia đấu giá đối với quyền sử dụng đất*** trong trường hợp giao đất ở như sau:

+ Từ 02 năm đến 05 năm đối với trường hợp người trúng đấu giá không nộp tiền trúng đấu giá;

+ Từ 06 tháng đến 03 năm đối với trường hợp người trúng đấu giá nộp không đầy đủ tiền trúng đấu giá.

11. Dự kiến kinh phí thu được từ đấu giá:

- Dự kiến số tiền trúng đấu giá thu được (tăng 30% so với giá khởi điểm) khoảng **233.024.883.000 đồng.** *(Bằng chữ: Hai trăm ba mươi ba tỷ, không trăm hai mươi bốn triệu, tám trăm tám mươi ba nghìn đồng).*

UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ HOÀNG HOA THÁM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:2532 /QĐ-UBND	*Hoàng Hoa Thám, ngày 13 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở đối với 96 suất đất tại Khu dân cư mới, xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ (cũ) nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HOÀNG HOA THÁM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật đấu giá tài sản ngày 17/11/2016 được sửa đổi theo Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 66.11/2026/NQ-CP ngày 06/01/2026 của Chính phủ quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp giao đất ở theo quy định của luật đất đai;

Căn cứ các Nghị định: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/06/2024 của Chính phủ quy định về giá đất; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026, quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai; số 214/2025/NĐ -CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định giao đất số 2304/QĐ-UBND ngày 23/7/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc giao đất cho UBND xã để thực hiện Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới, xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ (cũ) nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên: số 812/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 ban hành quy định về bảng giá đất lần đầu để công bố áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Nghị quyết số 06/2026/NQ-HĐND ngày 12/6/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 812/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025; và Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày

01/7/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên Về việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND xã Hoàng Hoa Thám: số 2415/QĐ-UBND ngày 26/7/2026 về việc phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở đối với 96 suất đất tại Khu dân cư mới xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ (cũ) nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên; số 2507/QĐ-UBND ngày 09/8/2026 về việc điều chỉnh, bổ sung quyết định số 2415/QĐ-UBND ngày 26/7/2026; và Quyết định phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở đối với 96 suất đất tại Khu dân cư mới, xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ (cũ), nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã tại Tờ trình số 683 /TTr-KT ngày 13/ 8 /2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở đối với 96 suất đất tại Khu dân cư mới, xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ (cũ), nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên, cụ thể như sau:

TT	Suất đất	Diện tích (m^2)	Đặc điểm, vị trí (thuộc Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ cũ (1,67 ha)	Phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá (đồng/m^2)	Gía trị suất đất theo giá khởi điểm (đồng/m^2)
I	**LK 01 (22 suất)**	**2.121,50**			
1	1	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường ĐH.72	27.000.000	2.700.000.000
2	2	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường ĐH.72	27.000.000	2.700.000.000
3	3	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường ĐH.72	27.000.000	2.700.000.000
4	4	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường ĐH.72	27.000.000	2.700.000.000
5	5	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường ĐH.72	27.000.000	2.700.000.000
6	6	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường ĐH.72	27.000.000	2.700.000.000
7	7	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường ĐH.72	27.000.000	2.700.000.000
8	8	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường ĐH.72	27.000.000	2.700.000.000
9	9	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường ĐH.72	27.000.000	2.700.000.000
10	10	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường ĐH.72	27.000.000	2.700.000.000
11	11	88,00	Tiếp giáp hai (02) mặt	31.050.000	2.732.400.000

			đường, một mặt đường ĐH.72, một mặt có mặt cắt rộng 15,5m;		
12	12	83,50	Tiếp giáp hai (02) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m;	20.700.000	1.728.450.000
13	13	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m;	18.000.000	1.710.000.000
14	14	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m;	18.000.000	1.710.000.000
15	15	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m;	18.000.000	1.710.000.000
16	16	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m;	18.000.000	1.710.000.000
17	17	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m;	18.000.000	1.710.000.000
18	18	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m;	18.000.000	1.710.000.000
19	19	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m;	18.000.000	1.710.000.000
20	20	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m;	18.000.000	1.710.000.000
21	21	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m;	18.000.000	1.710.000.000
22	22	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m;	18.000.000	1.710.000.000
II	**LK02 (12 suất)**	**1.162,00**			
23	23	98,00	Tiếp giáp hai (02) mặt đường, một mặt đường ĐH.72, một mặt có mặt cắt rộng 15,5m;	31.050.000	3.042.900.000
24	24	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường ĐH.72	27.000.000	2.700.000.000
25	25	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường ĐH.72	27.000.000	2.700.000.000

26	26	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường ĐH.72	27.000.000	2.700.000.000
27	27	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường ĐH.72	27.000.000	2.700.000.000
28	28	98,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường ĐH.72, và mương thủy lợi;	27.000.000	2.646.000.000
29	29	93,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m và mương thủy lợi;	18.000.000	1.674.000.000
30	30	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	18.000.000	1.710.000.000
31	31	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	18.000.000	1.710.000.000
32	32	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	18.000.000	1.710.000.000
33	33	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	18.000.000	1.710.000.000
34	34	93,00	Tiếp giáp hai (02) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m;	20.700.000	1.925.100.000
III	**LK03 (22 suất)**	**2.067,00**			
35	35	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m;	18.000.000	1.710.000.000
36	36	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m;	18.000.000	1.710.000.000
37	37	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m;	18.000.000	1.710.000.000
38	38	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m;	18.000.000	1.710.000.000
39	39	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m;	18.000.000	1.710.000.000
40	40	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m;	18.000.000	1.710.000.000
41	41	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng	18.000.000	1.710.000.000

			15,5 m;		
42	42	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m;	18.000.000	1.710.000.000
43	43	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m;	18.000.000	1.710.000.000
44	44	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m;	18.000.000	1.710.000.000
45	45	83,50	Tiếp giáp hai (02) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m;	20.700.000	1.728.450.000
46	46	83,50	Tiếp giáp hai (02) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m;	20.700.000	1.728.450.000
47	47	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	18.000.000	1.710.000.000
48	48	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	18.000.000	1.710.000.000
49	49	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	18.000.000	1.710.000.000
50	50	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	18.000.000	1.710.000.000
51	51	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	18.000.000	1.710.000.000
52	52	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	18.000.000	1.710.000.000
53	53	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	18.000.000	1.710.000.000
54	54	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	18.000.000	1.710.000.000
55	55	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	18.000.000	1.710.000.000
56	56	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	18.000.000	1.710.000.000
IV	**LK04 (12 suất)**	**1.132,00**			
57	57	93,00	Tiếp giáp hai (02) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m;	20.700.000	1.925.100.000
58	58	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m;	18.000.000	1.710.000.000
59	59	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m;	18.000.000	1.710.000.000

60	60	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m;	18.000.000	1.710.000.000
61	61	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m;	18.000.000	1.710.000.000
62	62	93,00	Tiếp giáp hai (02) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m;	20.700.000	1.925.100.000
63	63	93,00	Tiếp giáp hai (02) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m;và một mặt đối diện với công viên, cây xanh	21.735.000	2.021.355.000
64	64	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m và đối diện với công viên, cây xanh	18.900.000	1.795.500.000
65	65	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m và đối diện với công viên, cây xanh	18.900.000	1.795.500.000
66	66	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m và đối diện với công viên, cây xanh	18.900.000	1.795.500.000
67	67	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m và đối diện với công viên, cây xanh	18.900.000	1.795.500.000
68	68	93,00	Tiếp giáp hai (02) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m; và đối diện với công viên, cây xanh	21.735.000	2.021.355.000
V	**LK05 (28 suất)**	**2.660,00**			
69	69	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m;	18.000.000	1.710.000.000
70	70	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m;	18.000.000	1.710.000.000
71	71	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m;	18.000.000	1.710.000.000
72	72	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m;	18.000.000	1.710.000.000
73	73	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt	18.000.000	1.710.000.000

			đường có mặt cắt rộng 15,5 m;		
74	74	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m;	18.000.000	1.710.000.000
75	75	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m;	18.000.000	1.710.000.000
76	76	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m;	18.000.000	1.710.000.000
77	77	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m;	18.000.000	1.710.000.000
78	78	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m;	18.000.000	1.710.000.000
79	79	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m;	18.000.000	1.710.000.000
80	80	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m;	18.000.000	1.710.000.000
81	81	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m;	18.000.000	1.710.000.000
82	82	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường, có mặt cắt rộng 15,5m; và một mặt tiếp giáp với công viên, cây xanh;	18.900.000	1.795.500.000
83	83	95,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường, một mặt có mặt cắt rộng 13,5m; và một mặt tiếp giáp với công viên, cây xanh;	17.250.000	1.638.750.000
84	84	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 13,5m đến 14,5m;	15.000.000	1.425.000.000
85	85	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 13,5m đến 14,5m;	15.000.000	1.425.000.000
86	86	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 13,5m đến 14,5m;	15.000.000	1.425.000.000
87	87	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 13,5m	15.000.000	1.425.000.000

			đến 14,5m;		
88	88	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 13,5m đến 14,5m;	15.000.000	1.425.000.000
89	89	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 13,5m đến 14,5m;	15.000.000	1.425.000.000
90	90	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 13,5m đến 14,5m;	15.000.000	1.425.000.000
91	91	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 13,5m đến 14,5m;	15.000.000	1.425.000.000
92	92	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 13,5m đến 14,5m;	15.000.000	1.425.000.000
93	93	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 13,5m đến 14,5m;	15.000.000	1.425.000.000
94	94	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 13,5m đến 14,5m;	15.000.000	1.425.000.000
95	95	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 13,5m đến 14,5m;	15.000.000	1.425.000.000
96	96	95,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 13,5m đến 14,5m;	15.000.000	1.425.000.000
Tổng cộng		**9.142,50**			**179.249.910.000**

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Giao Phòng Kinh tế xã phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

- Thời điểm áp dụng giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở đối với 96 suất đất tại Khu dân cư mới, xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ (cũ), nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên là thời điểm cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này thay thế Quyết định số 2415/QĐ-UBND ngày 26/7/2026 và Quyết định số 2507/QĐ-UBND ngày 09/8/2026 của Chủ tịch UBND xã Hoàng Hoa Thám; có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng Phòng Kinh tế xã; Trưởng Thuế cơ sở 5 tỉnh Hưng Yên; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực IV; Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND xã;
- Lưu: VT, KT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ HOÀNG HOA THÁM T. HƯNG YÊN

Lã Anh Tuấn

UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ HOÀNG HOA THÁM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2579 /QĐ-UBND	*Hoàng Hoa Thám, ngày 14 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở đối với 95 suất đất tại Khu dân cư mới xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ (cũ), nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HOÀNG HOA THÁM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024 được sửa đổi bổ sung theo Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Luật đấu giá tài sản ngày 17/11/2016 được sửa đổi theo Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Nghị định: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/06/2024 của Chính phủ quy định về giá đất; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026, quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 13/2026/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phân cấp, ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định giao đất số 2304/QĐ-UBND ngày 23/7/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc giao đất cho UBND xã để thực hiện Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới, xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ cũ nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 1818/QĐ-UBND ngày 22/5/2026 của Chủ tịch UBND xã Hoàng Hoa Thám về việc phân công công tác của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và Uỷ viên UBND xã Hoàng Hoa Thám, nhiệm kỳ 2026-2031;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND xã Hoàng Hoa Thám: số 2531/QĐ-UBND ngày 13/8/2026 về việc phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở đối với 96 suất đất tại khu dân cư mới xã Nhật

Tân, huyện Tiên Lữ (cũ) nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên; số 2532/QĐ-UBND ngày 13/8/2026 về việc phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất đối với 96 suất đất tại khu dân cư mới xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ (cũ) nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 2478/QĐ-UBND ngày 04/8/2026 của Chủ tịch UBND xã Hoàng Hoa Thám phê duyệt đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở đối với 95 suất đất tại Khu dân cư mới xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ (cũ), nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 687 /TTr-KT ngày 14/ 8/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đấu giá quyền sử dụng đất đối với **95 suất đất** tại Khu dân cư mới xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ (cũ), nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên, với các nội dung như sau:

1. Loại đất, vị trí, diện tích và hạ tầng khu đất đấu giá:

+ Tổng số suất đất theo quy hoạch được duyệt: **96 suất đất.**

+ Tổng số suất đất đã được phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất: **96 suất đất**.

+ Tổng số suất đất đã được phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất: **96 suất đất**.

+ Số suất đất đưa ra đấu giá***: 95 suất đất*** (không bao gồm 01 suất đất số 69, ký hiệu lô đất LK05-69, diện tích 95,0 m², do chưa đủ điều kiện đưa ra đấu giá theo quy định của pháp luật).

+ Tổng diện tích đất ở đưa ra đấu giá: **9.047,5 m².**

+ Loại đất: Đất ở tại nông thôn.

+ Mục đích sử dụng đất: Xây dựng nhà ở theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá đã được đầu tư xây dựng theo quy hoạch chi tiết và hồ sơ thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(Có danh sách chi tiết kèm theo)

2. Mục đích sử dụng đất, hình thức giao đất và thời hạn sử dụng đất:

+ Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn.

+ Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất.

+ Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

3. Thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:

- Khu dân cư mới xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ (cũ), nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch và thuộc khu vực được phép đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai; phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Phòng Kinh tế xã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu UBND xã lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản và tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất theo đúng quy định của Luật Đấu giá tài sản, Luật Đất đai và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Giao Văn phòng HĐND và UBND xã đăng tải Quyết định này trên Trang thông tin điện tử của xã theo quy định.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này thay thế Quyết định số 2478/QĐ-UBND ngày 04/8/2026 của Chủ tịch UBND xã Hoàng Hoa Thám về việc phê duyệt đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở đối với 95 suất đất tại Khu dân cư mới xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ (cũ), nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng Phòng Kinh tế xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT, KT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ HOÀNG HOA THÁM T. HƯNG YÊN

Lã Anh Tuấn

DANH SÁCH

Phê duyệt đấu giá quyền sử dụng đất đối với 95 suất đất tại Khu dân cư mới , xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ (cũ) nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên

(Kèm theo Quyết định số 2579 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2026 của UBND xã Hoàng Hoa Thám)

Suất đất	Ký hiệu Lô đất	Diện tích (m^2)	Dự kiến giá khởi điểm để đấu giá (đồng/m^2)	Gía trị suất đất theo giá khởi điểm (đồng/m^2)
LK 01 (22 suất)		**2.121,50**		
1	LK01-1	100,00	27.000.000	2.700.000.000
2	LK01-2	100,00	27.000.000	2.700.000.000
3	LK01-3	100,00	27.000.000	2.700.000.000
4	LK01-4	100,00	27.000.000	2.700.000.000
5	LK01-5	100,00	27.000.000	2.700.000.000
6	LK01-6	100,00	27.000.000	2.700.000.000
7	LK01-7	100,00	27.000.000	2.700.000.000
8	LK01-8	100,00	27.000.000	2.700.000.000
9	LK01-9	100,00	27.000.000	2.700.000.000
10	LK01-10	100,00	27.000.000	2.700.000.000
11	LK01-11	88,00	31.050.000	2.732.400.000
12	LK01-12	83,50	20.700.000	1.728.450.000
13	LK01-13	95,00	18.000.000	1.710.000.000
14	LK01-14	95,00	18.000.000	1.710.000.000
15	LK01-15	95,00	18.000.000	1.710.000.000
16	LK01-16	95,00	18.000.000	1.710.000.000
17	LK01-17	95,00	18.000.000	1.710.000.000
18	LK01-18	95,00	18.000.000	1.710.000.000
19	LK01-19	95,00	18.000.000	1.710.000.000

20	LK01-20	95,00	18.000.000	1.710.000.000
21	LK01-21	95,00	18.000.000	1.710.000.000
22	LK01-22	95,00	18.000.000	1.710.000.000
LK02 (12 suất)		**1.162,00**		
23	LK02-23	98,00	31.050.000	3.042.900.000
24	LK02-24	100,00	27.000.000	2.700.000.000
25	LK02-25	100,00	27.000.000	2.700.000.000
26	LK02-26	100,00	27.000.000	2.700.000.000
27	LK02-27	100,00	27.000.000	2.700.000.000
28	LK02-28	98,00	27.000.000	2.646.000.000
29	LK02-29	93,00	18.000.000	1.674.000.000
30	LK02-30	95,00	18.000.000	1.710.000.000
31	LK02-31	95,00	18.000.000	1.710.000.000
32	LK02-32	95,00	18.000.000	1.710.000.000
33	LK02-33	95,00	18.000.000	1.710.000.000
34	LK02-34	93,00	20.700.000	1.925.100.000
LK03 (22 suất)		**2.067,00**		
35	LK03-35	95,00	18.000.000	1.710.000.000
36	LK03-36	95,00	18.000.000	1.710.000.000
37	LK03-37	95,00	18.000.000	1.710.000.000
38	LK03-38	95,00	18.000.000	1.710.000.000
39	LK03-39	95,00	18.000.000	1.710.000.000
40	LK03-40	95,00	18.000.000	1.710.000.000
41	LK03-41	95,00	18.000.000	1.710.000.000
42	LK03-42	95,00	18.000.000	1.710.000.000

43	LK03-43	95,00	18.000.000	1.710.000.000
44	LK03-44	95,00	18.000.000	1.710.000.000
45	LK03-45	83,50	20.700.000	1.728.450.000
46	LK03-46	83,50	20.700.000	1.728.450.000
47	LK03-47	95,00	18.000.000	1.710.000.000
48	LK03-48	95,00	18.000.000	1.710.000.000
49	LK03-49	95,00	18.000.000	1.710.000.000
50	LK03-50	95,00	18.000.000	1.710.000.000
51	LK03-51	95,00	18.000.000	1.710.000.000
52	LK03-52	95,00	18.000.000	1.710.000.000
53	LK03-53	95,00	18.000.000	1.710.000.000
54	LK03-54	95,00	18.000.000	1.710.000.000
55	LK03-55	95,00	18.000.000	1.710.000.000
56	LK03-56	95,00	18.000.000	1.710.000.000
LK04 (12 suất)		**1.132,00**		
57	LK04-57	93,00	20.700.000	1.925.100.000
58	LK04-58	95,00	18.000.000	1.710.000.000
59	LK04-59	95,00	18.000.000	1.710.000.000
60	LK04-60	95,00	18.000.000	1.710.000.000
61	LK04-61	95,00	18.000.000	1.710.000.000
62	LK04-62	93,00	20.700.000	1.925.100.000
63	LK04-63	93,00	21.735.000	2.021.355.000
64	LK04-64	95,00	18.900.000	1.795.500.000
65	LK04-65	95,00	18.900.000	1.795.500.000
66	LK04-66	95,00	18.900.000	1.795.500.000

67	LK04-67	95,00	18.900.000	1.795.500.000
68	LK04-68	93,00	21.735.000	2.021.355.000
LK05 *(28 suất theo quy hoạch, 27 suất đưa ra đấu giá)*		**2.565,00**		
70	LK05-70	95,00	18.000.000	1.710.000.000
71	LK05-71	95,00	18.000.000	1.710.000.000
72	LK05-72	95,00	18.000.000	1.710.000.000
73	LK05-73	95,00	18.000.000	1.710.000.000
74	LK05-74	95,00	18.000.000	1.710.000.000
75	LK05-75	95,00	18.000.000	1.710.000.000
76	LK05-76	95,00	18.000.000	1.710.000.000
77	LK05-77	95,00	18.000.000	1.710.000.000
78	LK05-78	95,00	18.000.000	1.710.000.000
79	LK05-79	95,00	18.000.000	1.710.000.000
80	LK05-80	95,00	18.000.000	1.710.000.000
81	LK05-81	95,00	18.000.000	1.710.000.000
82	LK05-82	95,00	18.900.000	1.795.500.000
83	LK05-83	95,00	17.250.000	1.638.750.000
84	LK05-84	95,00	15.000.000	1.425.000.000
85	LK05-85	95,00	15.000.000	1.425.000.000
86	LK05-86	95,00	15.000.000	1.425.000.000
87	LK05-87	95,00	15.000.000	1.425.000.000
88	LK05-88	95,00	15.000.000	1.425.000.000
89	LK05-89	95,00	15.000.000	1.425.000.000
90	LK05-90	95,00	15.000.000	1.425.000.000
91	LK05-91	95,00	15.000.000	1.425.000.000

92	LK05-92	95,00	15.000.000	1.425.000.000
93	LK05-93	95,00	15.000.000	1.425.000.000
94	LK05-94	95,00	15.000.000	1.425.000.000
95	LK05-95	95,00	15.000.000	1.425.000.000
96	LK05-96	95,00	15.000.000	1.425.000.000
Tổng cộng		**9.047,50**		**177.539.910.000**

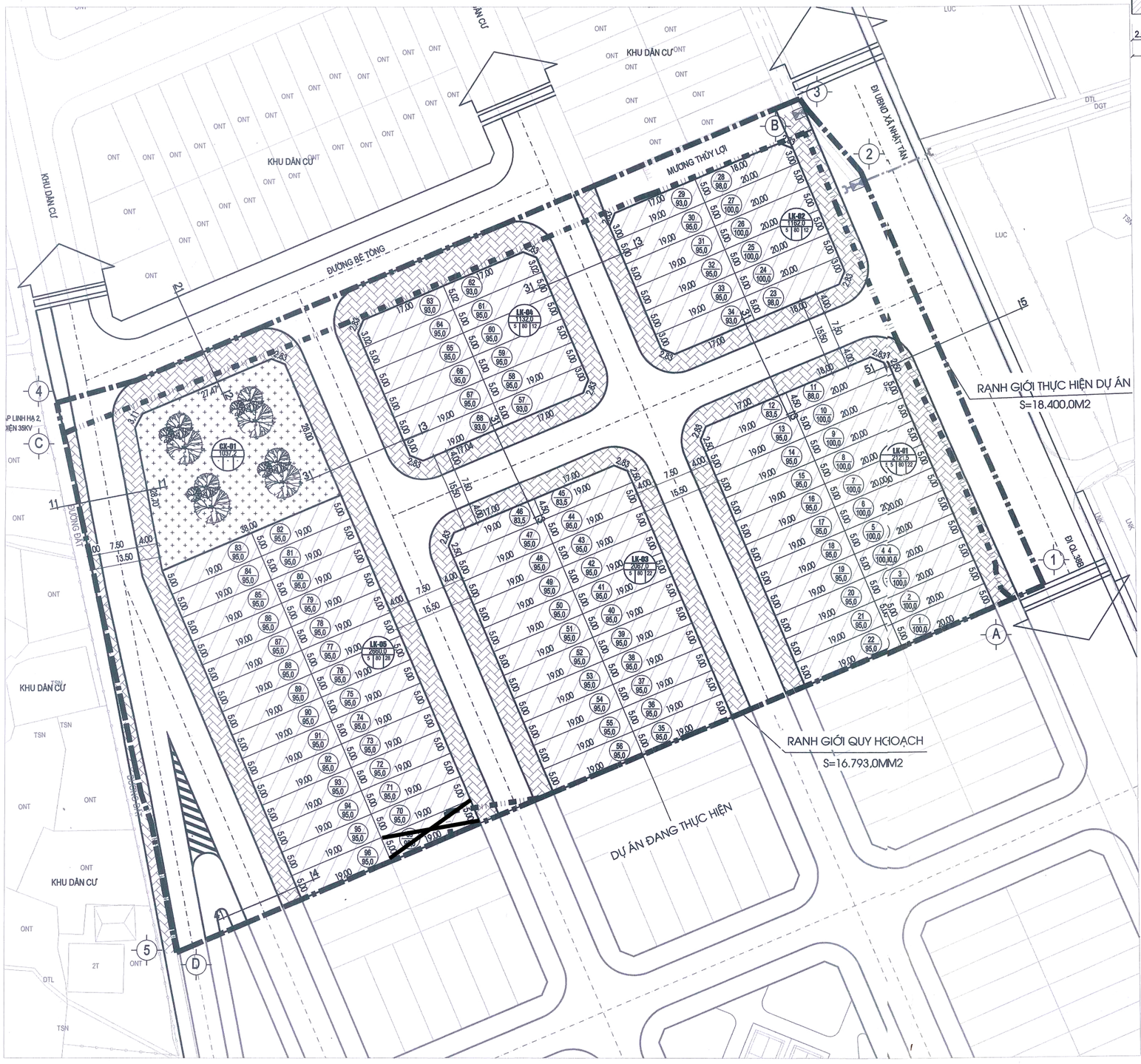
Ghi chú: *Danh sách này gồm 95 suất đất đưa ra đấu giá; không bao gồm suất đất số 69 (ký hiệu lô đất LK05-69), diện tích 95,0 m² do chưa đủ điều kiện đưa ra đấu giá theo quy định của pháp luật.*

MẶT BẰNG QUY HOẠCH TỔNG THỂ KHU DÂN CƯ MỚI XÃ NHẬT TÂN, HUYỆN TIÊN LỮ

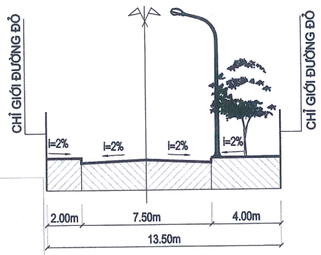
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ NHẬT TÂN, HUYỆN TIÊN LỮ, TỈNH HƯNG YÊN

THEO THÔNG BÁO CHỦ TRƯƠNG THU HỒI ĐẤT SỐ 95/TB-UBND NGÀY 18/4/2019 CỦA UBND TỈNH HƯNG YÊN

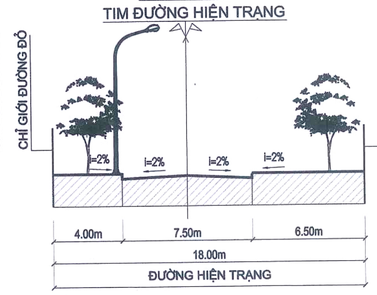
KÈM THEO THÔNG BÁO CHẤP THUẬN MẶT BẰNG QUY HOẠCH TỔNG THỂ SỐ: 31 /TB-SXD NGÀY 17 / 01/2020 CỦA SỞ XÂY DỰNG



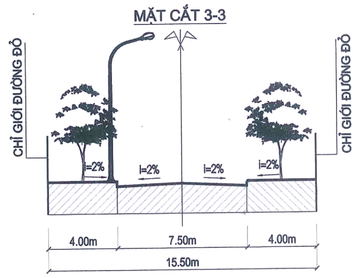
MẶT CẮT 1-1



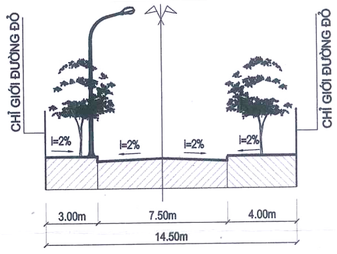
MẶT CẮT 2-2
TIM ĐƯỜNG HIỆN TRẠNG



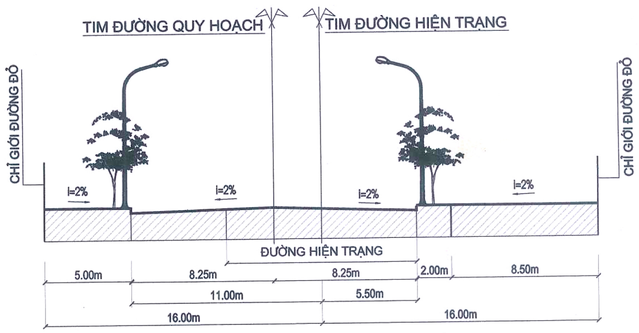
MẶT CẮT 3-3



MẶT CẮT 4-4



MẶT CẮT 5-5



BẢNG CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT

STT	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH (M2)	TỶ LỆ (%)	SỐ LÔ ĐẤT	MẬT ĐỘ XD TỐI ĐA (%)	TẦNG CAO TỐI ĐA
1	ĐẤT Ở	9142,5	54,44	96	80,0	5 TẦNG
2	ĐẤT GIAO THÔNG	6613,3	39,38			
2	ĐẤT CÂY XANH	1037,2	6,18			
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT QUY HOẠCH	**16.793,0**	**100,00**			

CHÚ THÍCH:

- RANH GIỚI THỰC HIỆN DỰ ÁN
- RANH GIỚI THU HỒI ĐẤT, QUY HOẠCH
- TIM ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- MÉP ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- ĐẤT LIỀN KỀ
- 30 / 95,0 — SỐ THỨ TỰ LÔ / DIỆN TÍCH LÔ
- LK-01 / 2121,5 / 5 / 80 / 22 — TÊN LÔ ĐẤT / DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT / SỐ TẦNG TỐI ĐA / MẬT ĐỘ XÂY DỰNG TỐI ĐA / SỐ LÔ ĐẤT
- RANH GIỚI THU HỒI ĐẤT ĐƯỢC GIỚI HẠN BỞI A B C D
- RANH GIỚI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐƯỢC GIỚI HẠN BỞI 1 2 3 4 5

SỞ XÂY DỰNG TỈNH HƯNG YÊN
NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM 2020
PHÓ GIÁM ĐỐC
LƯU VĂN DƯƠNG

UBND HUYỆN TIÊN LỮ
NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM 2020
CHỦ TỊCH
NGUYỄN THẾ HƯNG

PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG
NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM 2020
TRƯỞNG PHÒNG
NGUYỄN MINH ĐỨC

UBND XÃ NHẬT TÂN
NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM 2020
CHỦ TỊCH
NGUYỄN VĂN HỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM 2020
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG NGUYÊN ANH
GIÁM ĐỐC
HOÀNG THỊ HIỀN